

Số: /BVĐN-VTTB

Đà Nẵng, ngày tháng 9 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho kế hoạch Mua sắm vật tư y tế, hóa chất phẫu thuật chuyên khoa thuộc khối ngoại sử dụng 12 tháng năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đà Nẵng, địa chỉ số 124 đường Hải Phòng – phường Hải Châu – Thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phùng Ngọc Hùng, SĐT: 0905.741.989, email: [phongthaubvdn@gmail.com](mailto:phongthaubvdn@gmail.com).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Bệnh viện Đà Nẵng, số 124 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6.

- Địa chỉ email: [phongthaubvdn@gmail.com](mailto:phongthaubvdn@gmail.com) nhận file mềm excel và bản scan.

4. Thời hạn nhận báo giá: Từ 09h00 ngày tháng 09 năm 2025 đến trước 09h00 ngày 06 tháng 10 năm 2025.

**Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.**

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2025.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đà Nẵng, số 124 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian cung ứng dự kiến 365 ngày liên tục kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (Bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CNTT đề đăng trên Website;
- Lưu: VT, VTTB.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Đức Nhân**

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ/ LINH KIỆN, PHỤ KIỆN, VẬT TƯ THAY THẾ SỬ DỤNG CHO**  
**TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số /BVĐN-VTTB ngày tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Đà Nẵng)

| STT | Danh mục                                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lượng | Đvt |
|-----|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 1   | Bộ dụng cụ khâu cắt nối nội soi có băng đạn đầu móc        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |     |
| 1.1 | Băng ghim cắt khâu nối nội soi                             | <p>Băng đạn nội soi 30mm, 45mm, 60mm.</p> <p>Thiết kế 3 hàng ghim đập khác nhau trong cùng băng đạn, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là:<br/> Chiều cao ghim mở từ 2.0mm đến 4.0 mm (2.0-3.0mm đối với băng ghim mạch máu, 3.0-4.0mm đối với băng ghim cho mô trung bình-dày).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều cao ghim sau khi đóng: 0.75-1.25mm đối với băng ghim mạch máu, 1.25-1.75mm đối với băng ghim cho mô trung bình-dày).</li> <li>- Lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn.</li> </ul> <p>Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc 45° mỗi bên, liên tục 90°<br/> Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> | 950      | Cái |
| 1.2 | Băng đạn có đầu móc dùng cho dụng cụ khâu cắt nội soi      | <p>Băng đạn đầu móc dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng các cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 hàng ghim đập mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau trong mỗi băng đạn, dùng cho mạch máu, mô mỏng đến nhu mô.</li> <li>- Ghim bằng Titanium.</li> <li>- Chiều cao ghim trước khi đóng khoảng 2-2.5-3 mm.</li> <li>- Dao cắt mới trên mỗi băng đạn. Chiều dài băng đạn 30 - 45 mm (tối thiểu có 30mm).</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p>                                                                                                                                                                    | 150      | Cái |
| 1.3 | Dụng cụ cắt khâu nối tự động dùng trong phẫu thuật nội soi | <p>Dụng cụ khâu cắt nối đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi, tích hợp với tất cả các loại băng đạn cùng hãng.</p> <p>Gập góc 45° mỗi bên, liên tục 90°. Có nút xoay 360°.</p> <p>Tiếp cận mô thông qua nhiều hơn 5 vị trí một cách liên tục mỗi bên.</p> <p>Mở và đóng hàm băng đạn thông qua một thao tác trên cò súng, thuận tiện thao tác khi phẫu thuật.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p>                                                                                                                                                                                                                                          | 150      | Cái |
| 2   | Bộ dụng cụ khâu cắt nối nội soi                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |     |
| 2.1 | Băng ghim cắt khâu nối nội soi                             | Băng ghim tương thích với tay súng nội soi trợ lực cùng hãng gấp góc 45° mỗi bên (tổng 2 bên là 90 độ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 300      | Cái |

| STT | Danh mục                                                                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số lượng | Đvt |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế 3 hàng ghim mỗi bên, chất liệu Titanium.</li> <li>- Chiều cao ghim mở từ 2.0mm đến 4.0 mm dùng cho mô mạch máu, mô trung bình đến mô dày (2.0mm đến 2.5mm đối với băng ghim mạch máu, 3.25mm đến 4.0mm đối với băng ghim cho mô trung bình-dày).</li> <li>- Chiều cao ghim sau khi đóng từ 0.75mm đến 1.8mm (0.75-1.0mm đối với băng ghim mạch máu, 1.5- 1.8mm đối với băng ghim cho mô trung bình-dày).</li> <li>- Dao cắt mới trên mỗi băng ghim.</li> <li>- Chiều dài băng ghim 45mm và 60mm.</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ G7 hoặc các nước Châu Âu.</li> </ul> |          |     |
| 2.2 | Dụng cụ cắt khâu nối tự động dùng trong phẫu thuật nội soi                                   | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập góc 45° mỗi bên. Có nút xoay 360°, trợ lực</li> <li>- Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng ghim nội soi cùng hãng sản xuất.</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>- Xuất xứ G7 hoặc các nước Châu Âu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 38       | Cái |
| 3   | Bộ dụng cụ khâu cắt nối nội soi tăng cường giữ mô, kích thước băng ghim 45mm                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |     |
| 3.1 | Băng ghim khâu cắt nối nội soi tăng cường giữ mô 45mm                                        | Băng ghim với khả năng giữ mô bề mặt (chống trượt mô khi bắn ghim, chống làm biến dạng hàng ghim)<br>Kích thước băng ghim 45mm, chiều cao hàng ghim khác nhau tương ứng dùng cho mô mỏng/ vừa/ dày<br>Thiết kế 6 hàng ghim (3 hàng ghim mỗi bên) làm bằng hợp kim titan<br>Chiều cao ghim đóng tương ứng 1.0mm - 1.5mm - 2.0mm<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 48       | Cái |
| 3.2 | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi sử dụng cho băng ghim tăng cường giữ mô dùng cho băng ghim 45mm | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gập góc dùng cho băng ghim 45mm<br>Gập góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép không gỉ.<br>Công nghệ 3 điểm tiếp xúc giúp giữ khoảng cách đồng nhất giữa hàm đe và mặt ghim đóng nhất trong suốt quá trình bắn ghim.<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6        | Cái |
| 4   | Bộ dụng cụ khâu cắt nối nội soi tăng cường giữ mô, kích thước băng ghim 60mm                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |     |

| STT | Danh mục                                                                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | Đvt |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 4.1 | Băng ghim khâu cắt nối nội soi tăng cường giữ mô 60mm                                        | Băng ghim với khả năng giữ mô bề mặt (chống trượt mô khi bắn ghim, chống làm biến dạng hàng ghim)<br>Kích thước băng ghim 60mm, chiều cao hàng ghim khác nhau tương ứng dùng cho mô mỏng/ vừa/ dày.<br>Thiết kế 6 hàng ghim (3 hàng ghim mỗi bên) làm bằng hợp kim titan<br>Chiều cao ghim đồng tương ứng 1.0mm - 1.5mm -2.0mm<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 256      | Cái |
| 4.2 | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi sử dụng cho băng ghim tăng cường giữ mô dùng cho băng ghim 60mm | Dụng cụ khâu cắt nối nội soi gấp góc dùng cho băng ghim 60mm<br>Gấp góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép không gỉ.<br>Công nghệ 3 điểm tiếp xúc giúp giữ khoảng cách đồng nhất giữa hàm đe và mặt ghim đồng nhất trong suốt quá trình bắn ghim.<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                 | 32       | Cái |
| 5   | Bộ dụng cụ khâu cắt nối thẳng                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |          |     |
| 5.1 | Băng ghim cắt khâu nối mở mở                                                                 | Băng ghim cắt khâu nối thẳng mở mở, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài khoảng 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, chiều dài băng ghim 60mm và 80mm. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                          | 540      | Cái |
| 5.2 | Dụng cụ cắt khâu nối mở mở                                                                   | Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mở mở, công nghệ ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều dài thân dụng cụ 60mm và 80mm. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                            | 68       | Cái |
| 6   | Dụng cụ khâu cắt nối tròn 2 hàng ghim                                                        | Dụng cụ khâu cắt nối tròn dùng khâu nối ống tiêu hóa:<br>- Đầu đe thiết kế nghiêng 90°.<br>- Chiều cao ghim trước khi đóng 4.8mm/ 5.0mm và sau khi đóng 2.0mm/ 2.2mm. Số lượng ghim: 24/30 ghim.<br>- Đường kính ngoài 29mm, 32mm.<br>- Ghim dập bằng titanium.<br>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                              | 40       | Cái |
| 7   | Dụng cụ cắt khâu nối tròn 3 hàng ghim                                                        | Dụng cụ khâu nối tròn tự động, thiết kế có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên.<br>Đầu đe thiết kế nghiêng 90 độ sau khi khâu cắt<br>Các cỡ đường kính tròn: 28mm, 31mm, 33mm với số lượng ghim tương ứng là 39 ghim, 45 ghim, 48 ghim.<br>Chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 3.0mm - 3.5mm - 4.0mm (mô trung bình - dày)                                                                                             | 70       | Cái |

| STT | Danh mục                                                  | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số lượng | Đvt   |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
|     |                                                           | Chiều cao ghim sau khi đóng là 1.2 - 1.75mm<br>Chất liệu ghim bằng Titanium<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |       |
| 8   | Dụng cụ khâu cắt dùng trong mổ trĩ                        | Dụng cụ khâu cắt trĩ theo phương pháp Longo 3 hàng ghim<br>- Bao gồm chỉ Polypropylene số 0 màu xanh, chiều dài 90cm, chiều dài kim 26mm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn.<br>Kích thước: đường kính ngoài 34mm.<br>Số lượng ghim dập: 48 ghim. Chiều cao ghim mở: 3.5mm. Chiều cao ghim sau bấm điều chỉnh được: trong khoảng 0.75-1.5mm. Chất liệu ghim bấm bằng titanium nguyên chất không hợp kim.<br>Số vòng ghim bấm: 3 vòng tròn đồng tâm bên trong đầu dập ghim.<br>Đạt tiêu chuẩn CE, FDA. | 60       | Cái   |
| 9   | Tay dao hàn mạch kèm cắt dùng trong phẫu thuật mỡ mỡ      | Tay dao hàn mạch mỡ mở hàm phủ nano chống dính, chiều dài mỗi hàn khoảng 20.3mm, chiều dài vết cắt khoảng 18.5mm.<br>Mũi dao nhọn cong, tăng khả năng bóc tách, đầu cong, chiều dài thân dao khoảng 23cm, đường kính thân dao 5mm, quay tối thiểu 350 độ.<br>Dùng chung với máy phát cùng hãng<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                     | 20       | Cái   |
| 10  | Tay dao hàn mạch kèm cắt dùng trong phẫu thuật mỡ nội soi | Tay dao hàn mạch mỡ nội soi hàm phủ nano chống dính, chiều dài mỗi hàn khoảng 20.3mm, chiều dài vết cắt khoảng 18.5mm.<br>Mũi dao nhọn cong, tăng khả năng bóc tách, đầu cong, chiều dài thân dao khoảng 37cm, đường kính thân dao 5mm, quay tối thiểu 350 độ.<br>Dùng chung với máy phát cùng hãng<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                | 80       | Cái   |
| 11  | Dụng cụ cố định lưới thoát vị/mảnh ghép thoát vị          | Dụng cụ cố định lưới thoát vị/mảnh ghép thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi.<br>Gồm tối thiểu 30 ghim hình xoắn ốc (để giữ được lưới thoát vị).<br>Đường kính nòng 5mm (để đưa vào được trocar 5mm).<br>Mỗi ghim dài khoảng 3.5 - 4mm, chất liệu titanium.<br>Chiều dài thân dụng cụ tối thiểu 35cm.                                                                                                                                                                 | 24       | Cái   |
| 12  | Lưới điều trị thoát vị Polypropylene loại mềm 15cm x 15cm | Lưới loại nhẹ dùng trong điều trị thoát vị.<br>Kích thước 15cm x 15cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 170      | Miếng |

| STT | Danh mục                                                  | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số lượng | Đvt   |
|-----|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
|     |                                                           | <p>Thành phần polypropylen không tiêu.</p> <p>Trọng lượng <math>45\text{g/m}^2 \pm 1\text{g/m}^2</math>.</p> <p>Kích thước lỗ lưới: <math>2.38\text{mm} \pm 0.03\text{mm}</math>.</p> <p>Bề mặt lưới có sọc màu giúp định hướng trong mổ</p> <p>Không bị biến dạng, co lưới trong quá trình thao tác.</p> <p>Dễ thao tác trong phẫu thuật: có thể cắt theo hình dạng, kích thước mong muốn mà không bị xơ (tura) mép cắt.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p>                                                                                                                                                   |          |       |
| 13  | Lưới điều trị thoát vị Polypropylene loại mềm 10cm x 15cm | <p>Lưới loại nhẹ dùng trong điều trị thoát vị.</p> <p>Kích thước 10cm x 15cm.</p> <p>Thành phần polypropylen không tiêu.</p> <p>Trọng lượng <math>60\text{g/m}^2 \pm 1\text{g/m}^2</math>.</p> <p>Kích thước lỗ lưới: <math>1.5\text{mm} \pm 0.03\text{mm}</math>.</p> <p>Chịu được lực tối thiểu 65 N/cm theo chiều dọc và chiều ngang.</p> <p>Bề mặt lưới có sọc màu định hướng trong mổ</p> <p>Không bị biến dạng, co lưới trong quá trình thao tác.</p> <p>Dễ thao tác trong phẫu thuật: có thể cắt theo hình dạng, kích thước mong muốn mà không bị xơ (tura) mép cắt.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> | 200      | Miếng |
| 14  | Lưới điều trị thoát vị Polypropylene loại mềm cỡ nhỏ      | <p>Lưới loại nhẹ dùng trong điều trị thoát vị.</p> <p>Kích thước 5-6.5cm x 10-12cm.</p> <p>Thành phần polypropylen không tiêu.</p> <p>Trọng lượng <math>45\text{g/m}^2 \pm 1\text{g/m}^2</math>.</p> <p>Kích thước lỗ lưới: <math>2.38\text{mm} \pm 0.03\text{mm}</math>.</p> <p>Bề mặt lưới có sọc màu định hướng trong mổ</p> <p>Không bị biến dạng, co lưới trong quá trình thao tác.</p> <p>Dễ thao tác trong phẫu thuật: có thể cắt theo hình dạng, kích thước mong muốn mà không bị xơ (tura) mép cắt.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p>                                                                | 50       | Miếng |
| 15  | Lưới 3D theo hình dạng giải phẫu                          | <p>Lưới đặt thoát vị bẹn thiết kế hình dạng 3D phù hợp hình dạng giải phẫu bên phải và bên trái.</p> <p>Chất liệu Polypropylene.</p> <p>Bề dài lưới khoảng 13-16cm, bề ngang khoảng 9-12cm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 90       | Miếng |

| STT | Danh mục                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số lượng | Đvt |
|-----|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                              | Kích thước lỗ khoảng 1.1 - 1.6mm<br>Có kí hiệu trên bề mặt lưới hỗ trợ định hướng khi đặt lưới.<br>Lưới được hàn cạnh, đảm bảo tính nhớt hình dạng ban đầu sau khi đưa qua trocar. Cạnh trong bên dưới không bị hàn cạnh phù hợp với cấu trúc giải phẫu vị trí này.<br>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                            |          |     |
| 16  | Lưới chống dính điều trị thoát vị thành bụng | 1. Chất liệu: gồm 2 mặt lưới<br>- Một mặt là Polypropylene đơn sợi<br>- Một mặt là lớp chống dính<br>2. Thông số kỹ thuật<br>- Hình dạng: ellipse<br>- Kích thước: 15-15.5 cm x 20-20.5 cm<br>- Trọng lượng: 210-220 g/m <sup>2</sup><br>- Trọng lượng sau khi tan lớp chống dính: 50-55 g/m <sup>2</sup><br>- Khả năng chịu lực tối thiểu 370 N<br>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật<br>- Cấu tạo tấm lưới cho phép cắt mà không bị tháo lớp<br>- Lớp chống dính tự tan trong vòng 30 ngày sau khi đặt<br>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | 10       | Cái |
| 17  | Lưới chống dính điều trị thoát vị thành bụng | 1. Chất liệu: gồm 2 mặt lưới<br>- Một mặt là Polypropylene đơn sợi<br>- Một mặt là lớp chống dính<br>2. Thông số kỹ thuật<br>- Hình dạng: ellipse<br>- Kích thước: 20-20.5 cm x 25-25.5 cm<br>- Trọng lượng: 210-220 g/m <sup>2</sup><br>- Trọng lượng sau khi tan lớp chống dính: 50-55 g/m <sup>2</sup><br>- Khả năng chịu lực tối thiểu 370 N<br>3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật<br>- Cấu tạo tấm lưới cho phép cắt mà không bị tháo lớp<br>- Lớp chống dính tự tan trong vòng 30 ngày sau khi đặt<br>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | 5        | Cái |
| 18  | Banh bảo vệ đường mổ cỡ lớn                  | Đường kính vòng banh từ 180mm đến 190mm, chiều cao $\geq$ 250mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 9-16cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 30       | Cái |

| STT | Danh mục                                                            | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số lượng | Đvt |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                     | Chất liệu: Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh:PU (polyurethane) + silicon gel hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |     |
| 19  | Banh bảo vệ đường mổ cỡ trung bình                                  | Đường kính vòng banh từ 120mm đến 130mm, chiều cao $\geq 150$ mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 5-10cm<br>Chất liệu: Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh:PU (polyurethane) + silicon gel hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 170      | Cái |
| 20  | Banh bảo vệ đường mổ cỡ nhỏ                                         | Đường kính vòng banh từ 80mm đến 90mm, chiều cao $\geq 150$ mm. Sử dụng cho đường rạch kích thước 2.5 - 6cm.<br>Chất liệu: Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh:PU (polyurethane) + silicon gel hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 90       | Cái |
| 21  | Banh bảo vệ đường mổ có nắp phủ                                     | Dụng cụ banh miệng vết mổ dùng cho vết mổ nhỏ có chiều dài 3-6cm. Dụng cụ gồm 2 phần:<br>- Phần banh vết mổ:<br>+ Thân banh hình ống dài $130 \pm 5$ mm. Chất liệu: Polyurethan hoặc tương đương.<br>+ Vòng trên có 2 lỗ được cấu tạo từ thép không rỉ đường kính $97 \pm 2$ mm, vòng dưới $97 \pm 2$ mm.<br>- Phần nắp phủ phía trên, bao gồm:<br>+ Tương thích với miệng banh.<br>+ Cổng vào: phù hợp đưa dụng cụ 5-12mm<br>+ Van khí 2 chiều.<br>+ Chất liệu vỏ: silicon trong suốt. Kết nối với phần dưới tạo thành hệ thống kín.<br>Đạt tiêu chuẩn: CE hoặc FDA. | 50       | Cái |
| 22  | Trocar nhựa không dao dùng trong phẫu thuật nội soi                 | Trocar nhựa không dao dùng trong nội soi.<br>Đường kính: 5mm, 10mm, 12mm.<br>Chiều dài khoảng 100mm ( $\pm 5\%$ ).<br>Đầu tip trong suốt giúp nhìn thấy các lớp mô.<br>Thân có rãnh giúp giữ vào thành bụng.<br>Van giữ khí 4 mảnh hoặc tương đương.<br>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                  | 500      | Cái |
| 23  | Trocar nhựa không dao có bóng cố định dùng trong phẫu thuật nội soi | Trocar nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi.<br>Đường kính: 5mm, 10mm, 12mm.<br>Chiều dài khoảng 100mm ( $\pm 5\%$ ).<br>Đầu tip trong suốt giúp nhìn thấy các lớp mô.<br>Có bóng trên thân trocar.<br>Van giữ khí 4 mảnh hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100      | Cái |

| STT | Danh mục                          | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Đvt |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                   | Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |     |
| 24  | Bộ dụng cụ dẫn lưu qua da         | <p>Ống dẫn lưu qua da có khóa</p> <p>Chất liệu bằng polyurethane, có phủ lớp ái nước.</p> <p>Có các điểm đánh dấu căn quang trên thân ống</p> <p>Chiều dài: 15cm, 25cm và 40 cm</p> <p>Có các đường kính: 6.5F, 7.5F, 8.5F, 10F, 12F, 14F.</p> <p>Thiết bị được làm bằng ống đơn với 8 hoặc 9 lỗ thoát dịch tùy size</p> <p>Chiều dài của lỗ thoát dịch tương ứng với các size: 6.5F=0,090", 7.5F=0,120", 8.5F=0,120", 10F=0,140", 12F=0,160", 14F=0,170".</p> <p>Chiều rộng của lỗ thoát dịch tương ứng với các size: 6.5F=0,040", 7.5F=0,060", 8.5F=0,060", 10F=0,070", 12F=0,080", 14F=0,080".</p> <p>Đạt các tiêu chuẩn chất lượng: FDA và CE.</p> | 150      | Cái |
| 25  | Clip Polymer kẹp mạch máu         | <p>Chất liệu: Polymer không tiêu.</p> <p>Có răng đối diện sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp, cao lên ở phần giữa dọc theo bề mặt bên trong của thân clip, giúp giữ chặt mô mạch máu, tránh hiện tượng trượt mạch máu, độ ổn định dọc và ngang cao gấp đôi so với các clip polymer tiêu chuẩn khác.</p> <p>Khớp động hoặc tương đương</p> <p>Kẹp được các mạch máu từ 3-10mm đối với cỡ ML, 5-13mm đối với cỡ L và 7-16mm đối với cỡ XL.</p> <p>Tiêu chuẩn CE.</p>                                                                                                                                                                                | 6.900    | Cái |
| 26  | Clip mạch máu nội soi Titan cỡ ML | <p>Clip kẹp mạch máu titanium</p> <p>Hình chữ V có cấu tạo rãnh giúp clip bám chắc vào mạch máu, chân clip hình tam giác giúp tăng tối đa bề mặt tiếp xúc giữa clip và hàm, bỏ hiện tượng rơi clip.</p> <p>Cỡ ML, tương thích với kìm kẹp clip nội soi PILLING-WECK 30444LR (thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng)</p> <p>Tiêu chuẩn CE.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1.300    | Cái |
| 27  | Clip mạch máu Titan cỡ S          | <p>Clip được chế tạo từ titanium</p> <p>Clip có dạng chữ V kẹp mạch máu 2 thì.</p> <p>Có khả năng đóng đầu mũi clip trước.</p> <p>Bề mặt trong có rãnh giúp tăng diện tiếp xúc với mạch máu, giúp tăng độ bám dính với mạch máu.</p> <p>Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với kìm kẹp clip.</p> <p>Cỡ nhỏ. Tương thích với kìm kẹp clip mở hờ AESCULAP FB223R (thuộc sở hữu của bệnh</p>                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.200    | Cái |

| STT | Danh mục                           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số lượng | Đvt   |
|-----|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
|     |                                    | viện Đà Nẵng)<br>Tiêu chuẩn CE.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |       |
| 28  | Clip mạch máu Titan cỡ M           | Clip được chế tạo từ titanium<br>Clip có dạng chữ V kẹp mạch máu 2 thì.<br>Có khả năng đóng đầu mũi clip trước.<br>Bề mặt trong có rãnh giúp tăng diện tiếp xúc với mạch máu, giúp tăng độ bám dính với mạch máu.<br>Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với kim kẹp clip.<br>Cỡ trung bình. Tương thích với kim kẹp clip mổ hở AESCULAP FB235R (thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng)<br>Tiêu chuẩn CE.                                                       | 1.500    | Cái   |
| 29  | Clip mạch máu Titan cỡ ML          | Clip được chế tạo từ titanium<br>Clip có dạng chữ V kẹp mạch máu 2 thì.<br>Có khả năng đóng đầu mũi clip trước.<br>Bề mặt trong có rãnh giúp tăng diện tiếp xúc với mạch máu, giúp tăng độ bám dính với mạch máu.<br>Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với kim kẹp clip.<br>Cỡ trung bình-lớn. Tương thích với kim kẹp clip mổ hở AESCULAP FB240R (thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng)<br>Tiêu chuẩn CE.                                                   | 300      | Cái   |
| 30  | Clip mạch máu liên tục Titan cỡ ML | Băng clip liên tục, chứa 8-10 clip mỗi băng.<br>Clip được chế tạo từ titanium<br>Clip có dạng chữ V kẹp mạch máu 2 thì.<br>Có khả năng đóng đầu mũi clip trước.<br>Bề mặt trong có rãnh giúp tăng diện tiếp xúc với mạch máu, giúp tăng độ bám dính với mạch máu.<br>Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với kim kẹp clip.<br>Cỡ trung bình-lớn. Tương thích với kim kẹp clip nội soi AESCULAP PL506R (thuộc sở hữu của bệnh viện Đà Nẵng)<br>Tiêu chuẩn CE. | 50       | Băng  |
| 31  | Chỉ nâng đỡ mô màu xanh            | Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, dài 75cm, rộng 1,5mm, màu xanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100      | Tép   |
| 32  | Chỉ nâng đỡ mô màu vàng            | Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, dài 75cm, rộng 1,5mm, màu vàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100      | Tép   |
| 33  | Chỉ nâng đỡ mô màu đỏ              | Chỉ nâng đỡ mô bằng silicone, dài 75cm, rộng 1,5mm, màu đỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 100      | Tép   |
| 34  | Vật liệu cầm máu dạng bông         | *Vật liệu cầm máu dạng bông ép sợi dài, chất liệu Cellulose oxi hoá tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, Hàm lượng carboxyl 18-24%.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 150      | Miếng |

| STT  | Danh mục                                 | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số lượng | Đvt |
|------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|      |                                          | *Kích thước khoảng 5-5,5cm x 10-10,5cm,<br>*Có tính diệt khuẩn, khi tiếp xúc với máu, giải phóng acid glucuronic có mức pH thấp (pH 2,2 - 2,4).<br>*Hiệu quả cầm máu nhanh < 2 phút.<br>*Tự tiêu sau 7 - 14 ngày<br>*Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                   |          |     |
| 35   | Bộ dao mổ siêu âm không dây              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |     |
| 35.1 | Bộ phát năng lượng dao siêu âm không dây | Bộ phát năng lượng cho dao siêu âm không dây:<br>- Tín hiệu đèn LED và âm thanh báo hiệu tình trạng hoạt động của thiết bị<br>- Bộ phát năng lượng siêu âm được thiết kế để có thể được tiệt trùng và tái sử dụng 150 lần<br>- Dùng với tay dao siêu âm không dây cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                               | 2        | Cái |
| 35.2 | Pin dao siêu âm không dây                | - Pin Tái sử dụng nhiều lần<br>- Có thể hấp ẩm nhiệt độ cao.<br>- Tái sử dụng 200 lần<br>- Dùng với tay dao siêu âm không dây cùng hãng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2        | Cái |
| 35.3 | Bộ sạc pin dao siêu âm không dây         | - Bộ sạc dùng cho pin dao siêu âm không dây cùng hãng<br>- Sạc cùng lúc 04 pin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1        | Cái |
| 35.4 | Tay dao siêu âm không dây nội soi        | Tay dao siêu âm không dây, đường kính 5mm, kích thước 38-39cm, có thể xoay 360 độ.<br>Lưỡi dao rộng từ gốc 1,6-1,7mm về đầu mũi 0,7-0,8mm, chiều dài lưỡi dao 14-15mm<br>Tương thích với bộ dao siêu âm không dây<br>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                           | 30       | Cái |
| 36   | Ống soi mềm nội soi đường mật            | Ống nội soi mềm dùng trong nội soi đường mật<br>- Có cảm biến hình ảnh CMOS 800x800 pixels hoặc tương đương.<br>- Có hệ thống chiếu sáng tối thiểu 4 đèn LED.<br>- Trường nhìn: 110 độ $\pm$ 10%<br>- Góc uốn: lên xuống 180-210 độ.<br>- Đường kính ngoài 5mm.<br>- Đường kính trong 2mm dùng làm kênh thao tác.<br>- Chiều dài làm việc 38-40cm.<br>- Có khóa tự thể uốn, khả năng chụp ảnh/quay video, đưa được các vật tư khác qua kênh thao tác để tán sỏi và lấy sỏi mật.<br>Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CE. | 25       | Cái |

| STT  | Danh mục                                                                       | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số lượng | Đvt |
|------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 37   | Rọ Lấy Sỏi                                                                     | Dùng phối hợp với ống soi mềm để gắp và loại bỏ sỏi mật trong quá trình nội soi.<br>* Kích cỡ: 2.5Fr<br>* Dài tối thiểu 120cm, loại 4 dây hoặc tương đương.<br>* Tay cầm có thể tháo lắp được<br>Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CE.                                                                                                                                                                                                                | 25       | Cái |
| 38   | Sợi truyền quang                                                               | Dây quang dùng trong tán sỏi mật, phối hợp với ống soi mềm đường mật.<br>* Chất liệu: lõi thạch anh, truyền quang tốt.<br>* Kích cỡ: 270-272µm<br>* Chiều dài tối thiểu 2.5m<br>Tiêu chuẩn chất lượng ISO hoặc CE.                                                                                                                                                                                                                                 | 2        | Sợi |
| 39   | Chỉ phẫu thuật không thắt nút có neo xoắn ốc kháng khuẩn 3/0                   | Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 có chất kháng khuẩn Triclosan, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30 %. Cỡ chỉ số 3/0 dài 23 cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu dài 26 mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 1 - 2 tuần, thời gian tan hoàn toàn 90 - 120 ngày. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) | 50       | Tép |
| 40   | Keo dán da                                                                     | Keo dán da thành phần 2 -octyl cyanoacrylate. Ống tối thiểu 0.5 ml.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 500      | Ống |
| 41   | Bộ nẹp vít xương sườn                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |     |
| 41.1 | Nẹp xương sườn 8 lỗ                                                            | Chất liệu titanium, dùng cho cả xương sườn hai bên trái phải, dày 1.6mm, 8 lỗ, lỗ bắt vít có ren chìm, nẹp dùng với vít có khóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 100      | Cái |
| 41.2 | Vít cố định nẹp xương sườn                                                     | Chất liệu titanium, dùng với nẹp cố định xương sườn, loại vít có khóa, tự khoan, tự taro, dài từ 7mm-16mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 800      | Cái |
| 42   | Bộ dẫn lưu ngực                                                                | Bao gồm: 1 catheter dẫn lưu ngực, loại cân xạ; 1 que luồn tách cơ; 1 kim chọc dò màng phổi, cỡ 18 Ga; 1 bộ dây nối có nòng dẫn kèm khóa 3 chiều; 1 cán dao kèm lưỡi dao phẫu thuật; 1 Syringe #10ml                                                                                                                                                                                                                                                | 120      | Bộ  |
| 43   | Bộ dẫn lưu ngực                                                                | Bao gồm 1 đoạn ống cao su đặt trong 1 ống plastic, tích hợp cố định 1 tiếp hợp catheter dẫn lưu đa bậc và 1 van lọc khí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 80       | Cái |
| 44   | Kim đốt sóng cao tần (Bộ đốt nhiệt) điều trị khối u gồm kim đốt nhiệt, dây nối | - Kim đốt sóng cao tần (Bộ đốt nhiệt) điều trị khối u gồm kim đốt và dây nối, sử dụng sóng cao tần, tương thích máy CoATherm AK-F200.<br>Kích thước:<br>- Đường kính kim đốt: 18G.<br>- Chiều dài kim đốt: 70 đến 300mm.<br>- Chiều dài đoạn sinh nhiệt: 5mm hoặc 7mm hoặc 10mm.<br>Bộ đầu đốt và dây dẫn tín hiệu, có cảm biến nhiệt độ và bộ phận làm mát kim đốt bằng nước.                                                                     | 115      | Bộ  |
| 45   | Thanh nâng ngực các loại các cỡ (kèm 02 ốc vít)                                | Thanh nâng định hình biến dạng lồng ngực (gồm thanh đỡ và thanh nẹp), dùng trong điều trị dị tật lõm ngực, lồi ngực bẩm sinh và các dị tật vừa lồi vừa lõm.                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 78       | Bộ  |

| STT  | Danh mục                               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lượng | Đvt |
|------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|      |                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: titanium hoặc tương đương.</li> <li>- Thanh có 2 loại, có thể sử dụng ghép thành 1 bộ nẹp cố định vào thành ngực bằng ốc/vít.</li> <li>- Cấu tạo: thanh đỡ 2 bên có 2 lỗ bề dày thanh 3mm; thanh nẹp có rãnh ở 2 bên bề dày thanh 2mm.</li> <li>- Mỗi thanh kèm 2 ốc vít.</li> <li>- Kích cỡ thanh đỡ: 20cm, 22cm -&gt; 40cm.</li> <li>- Kích cỡ thanh nẹp: 19cm, 21cm -&gt; 39cm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                              |          |     |
| 46   | Tay dao cắt hàn mạch                   | Tay dao hàn mạch máu có đường kính 7mm, giảm chảy máu, nhiệt lan toả thấp tránh tổn thương các mô lành xung quanh. Ứng dụng trong phẫu thuật mô bướu cổ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100      | Cái |
| 47   | Bộ dao mổ siêu âm nội soi              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |     |
| 47.1 | Dao mổ siêu âm nội soi                 | <p>Tay dao siêu âm dùng trong mổ nội soi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính dao 5mm.</li> <li>- Chiều dài dao khoảng 35-38cm.</li> <li>- Chiều dài hàm dao khoảng 13-17mm.</li> <li>- Nút xoay 360°.</li> <li>- Lớp vỏ chống dính bao ngoài lưỡi dao bằng hợp kim titanium</li> <li>- Thiết kế nút kích hoạt năng lượng Min-Max trên tay súng.</li> <li>- Tích hợp công nghệ thích ứng mô</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>- Tương thích với Hệ thống máy cắt cầm máu siêu âm Gen 11 hãng Medical Johnson&amp;Johnson thuộc sở hữu của bệnh viện.</li> </ul> | 23       | Cái |
| 47.2 | Dây dao mổ siêu âm nội soi             | <p>Dây để kết nối giữa hệ thống dao phẫu thuật siêu âm và tay dao siêu âm nội soi (đi theo cặp phù hợp với tay dao siêu âm).</p> <p>Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương thích với Hệ thống máy cắt cầm máu siêu âm Gen 11 hãng Medical Johnson&amp;Johnson thuộc sở hữu của bệnh viện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                      | 2        | Cái |
| 48   | Stent khí quản cổ bằng silicone T-tube | Đường kính ống ngoài: khoảng 11mm, đường kính ống trong: 12,13,14mm. Chiều dài trong lòng khí quản: ~ 65,69,71mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10       | Cái |
| 49   | Ống thông khí tai tạm thời             | Đường kính trong 1.14mm, Đường kính ngoài: 2.3-2.4mm, chất liệu silicone hoặc fluoroplastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 20       | Cái |
| 50   | Mũi khoan tai bằng Tungsten            | Đường kính đầu mũi khoan: từ 0.5mm - 6mm. Chiều dài 70mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 30       | Cái |
| 51   | Mũi khoan tai (Kim cương mịn)          | Đường kính đầu mũi khoan: từ 0.5mm - 3mm. Chiều dài 70mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 30       | Cái |
| 52   | Mũi khoan tai (Kim cương thô)          | Đường kính đầu mũi khoan: từ 3mm,3.5mm,4mm Chiều dài 70mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 30       | Cái |
| 53   | Vật liệu cầm máu tai                   | Chiều dài: 24mm, đường kính 12mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 250      | Cái |

| STT | Danh mục                               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số lượng | Đvt |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 54  | Nẹp 4 lỗ                               | Nẹp mặt thẳng 4 lỗ cho vít 2.0mm, chất liệu Titanium hoặc tương đương, độ dày nẹp khoảng 0.6mm - 1.0mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 480      | Cái |
| 55  | Vít mini titan 2.0mm                   | Vít mặt 1.6mm đến 2.0mm - tự Taro; chất liệu hợp kim Titanium. Đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4.200    | Cái |
| 56  | Răng toàn sứ                           | *Cấu tạo: gồm khung sườn và sứ cầu/mão<br>*Thành phần: Sườn bằng vật liệu Zirconia, sứ không hợp chất kim loại<br>*Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân<br>*Yêu cầu chất lượng khi sử dụng màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, có tính tương hợp sinh học cao, đúng giải phẫu, khít sát, khớp cắn đúng, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng                                                                            | 30       | Cái |
| 57  | Răng toàn sứ gắn trên Implant          | * Thành phần:<br>- Sườn bằng vật liệu Zirconia<br>- Sứ không hợp chất kim loại, thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant.<br>* Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng).<br>* Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, có tính tương hợp sinh học cao, đúng giải phẫu, khít sát, khớp cắn đúng, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. | 15       | Cái |
| 58  | Răng giả tháo lắp                      | * Cấu tạo gồm:<br>1. Hàm nhựa (nền hàm)<br>2. Răng tháo lắp:<br>- Hiện thị các múi răng rõ ràng<br>- Nhiều dạng khuôn răng để lựa chọn<br>- Liên kết tốt với nền hàm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 30       | Cái |
| 59  | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo | Chất liệu : Nhựa dẻo valplast/Kern hoặc tương đương<br>Yêu cầu khi sử dụng: phải thực hiện sao cho các răng trụ chịu đựng tối thiểu các lực nén và xoay vặn, đồng thời phải có hiệu quả tối đa về phương diện giữ vững hàm phục hình, chống lại các lực tác động lên hàm<br>Đảm bảo chất lượng sử dụng và không ảnh hưởng đến sức khỏe bệnh nhân                                                                                                                                                              | 20       | Hàm |
| 60  | Hàm khung kim loại                     | *Chất liệu: kim loại Crom-coban<br>* Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5        | Cái |

| STT | Danh mục                                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt  |
|-----|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|
| 61  | Bộ nhận răng giả (Abutment)                                | Vật liệu Titanium nguyên chất/hợp kim titanium và giữ được ổn định cao dù tồn tại trong môi trường axit. Đảm bảo an toàn với cơ thể. Đường kính dao động 4.5-6.5mm có nhiều kích thước phù hợp                                                                                                                                                      | 15       | Cái  |
| 62  | Chốt kim loại                                              | Chốt kim loại mooser được làm từ thép không gỉ, dùng đặt trong ống tủy răng sau điều trị nội nha, tái tạo cùi răng, phục hồi những răng bị vỡ và mất nhiều mô răng                                                                                                                                                                                  | 1        | Gói  |
| 63  | Sáp lá hồng                                                | Sáp hồng sử dụng trong nha khoa có đặc điểm: chất liệu an toàn, không độc hại, màu sắc hồng nhẹ, dễ tạo hình, độ bền tốt.                                                                                                                                                                                                                           | 10       | Hộp  |
| 64  | Xi măng gắn phục hình                                      | Cement gắn các loại phục hình cầu, mào, chốt                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3        | Hộp  |
| 65  | Xi măng gắn tạm                                            | Vật liệu gắn tạm cầu mào răng dùng để gắn tạm các răng tam, gắn tạm mào răng, cầu răng, gắn cầu và mào trên trụ implant. Vật liệu gắn tạm cầu mào răng là loại xi măng tự cứng không chứa eugenol, không ảnh hưởng đến quá trình trùng hợp của vật liệu trám và gắn bằng composite. Đặc biệt phù hợp để sử dụng cho bệnh nhân nhạy cảm với eugenol. | 2        | Hộp  |
| 66  | Chân răng nhân tạo (Implant)                               | Vật liệu Titanium tương thích sinh học với cơ thể. Bề mặt được xử lý giúp tích hợp xương. Kết nối hình côn, phần dưới lục giác. Đảm bảo an toàn với cơ thể. Đường kính trụ dao động từ 3 - 7mm, chiều dài từ 6 - 18mm, có nhiều kích thước phù hợp với từng vị trí răng khác nhau                                                                   | 15       | Cái  |
| 67  | Trụ liền thương (Healing)                                  | Vật liệu Titanium nguyên chất/ hợp kim titanium và giữ được ổn định cao dù tồn tại trong môi trường axit. Đảm bảo an toàn với cơ thể. Trụ lãnh thương tại tạo mô nướu, kết nối với implant, có nhiều kích thước phù hợp. Đường kính dao động 4 - 6.5mm                                                                                              | 15       | Cái  |
| 68  | Coping lấy dấu đóng/ mở các cỡ                             | Cây lấy dấu Implant - Chất liệu: Hợp kim thép không gỉ. Đường kính: phù hợp với hình dạng lỗ nướu và kết nối Implant                                                                                                                                                                                                                                | 7        | Cái  |
| 69  | Keo trám Bonding hoặc tương đương                          | Keo dán với độ bền dán cao. Dán tuyệt vời trên men và ngà. Chai nhỏ giọt/ tuýp nhỏ giọt. Nắp đóng an toàn, hạn chế tối thiểu sự bay hơi.                                                                                                                                                                                                            | 10       | Lọ   |
| 70  | Vật liệu trám răng Composite đặc các màu ( A1/A2/A3/A3,5)  | Composite quang trùng hợp Màu A1, A2, A3, A3.5... Độ cứng và thẩm mỹ vượt trội, khả năng kháng mòn cao, thao tác dễ dàng không dính dụng cụ.                                                                                                                                                                                                        | 30       | Tuýp |
| 71  | Vật liệu trám răng Composite lỏng các màu ( A1/A2/A3/A3,5) | Composite quang trùng hợp Màu A1, A2, A3, A3.5... Duy trì độ bóng tốt hơn, độ bền nén và kéo tuyệt vời, phù hợp với nhiều chỉ định.                                                                                                                                                                                                                 | 30       | Tuýp |
| 72  | Chất che tủy chiếu đèn                                     | Thành phần chính: Hydroxite canxi có cản quang có độ cứng cao, tương hợp sinh học, thao tác đông cứng khi chiếu đèn                                                                                                                                                                                                                                 | 2        | Tuýp |
| 73  | Cone trám bít ống tủy theo hệ thống trám máy               | Cone chính Gutta Percha dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha theo kích thước của bộ sản phẩm Protaper, sử dụng nhanh chóng, chính xác.                                                                                                                                                                                                      | 20       | Hộp  |
| 74  | Trâm máy các cỡ                                            | Sản phẩm Protaper máy sửa soạn ống tủy trong điều trị nội nha. Dùng sửa soạn ống tủy theo phương pháp Count Down                                                                                                                                                                                                                                    | 10       | Bộ   |
| 75  | Giấy than cắn khớp                                         | Một hộp chứa 10 xấp. Giấy cắn chuyên dùng ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng thật tự nhiên, các phục hồi răng nhựa hoặc sứ.                                                                                                                                                                                                                   | 1        | Hộp  |

| STT | Danh mục                      | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                     | Số lượng | Đvt  |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|
| 76  | Vật liệu trám tạm             | Thành phần: Polyvinyl acetate, oxit kẽm, kẽm sulfate, ethanol. Độ ổn định cao, chịu lực tốt, dễ sử dụng, dễ tháo gỡ                                                                                                                      | 5        | Lọ   |
| 77  | Bôi trơn ống tùy              | Loại bỏ các chất vô cơ bằng EDTA-Ca <sup>+</sup><br>Sửa soạn ống tùy dễ dàng hơn nhờ tác dụng bôi trơn<br>Loại bỏ mủn ngà, giúp làm sạch thành ống tùy                                                                                   | 4        | Ống  |
| 78  | Thuốc soi mòn men             | Dung dịch Etchant chứa Axit Phosphoric 37%. Bôi lên bề mặt men răng tạo soi mòn giúp tăng lưu giữ vật liệu trám                                                                                                                          | 20       | Ống  |
| 79  | Trâm nội nha dùng nạo ống tùy | Một vĩ có 6 cây. Tạo hình và vệ sinh ống tùy bằng thao tác nạo, đầu trâm thép không gỉ, cán nhựa, dài 21/25mm, đường kính đầu mũi các cỡ. Vật liệu có khả năng chống ăn mòn                                                              | 10       | Vĩ   |
| 80  | Trâm nội nha dùng dũa ống tùy | Một vĩ có 6 cây. Tạo hình và vệ sinh ống tùy bằng thao tác dũa, đầu trâm thép không gỉ, cán nhựa, dài 21/25mm, đường kính đầu mũi các cỡ. Vật liệu có khả năng chống ăn mòn                                                              | 10       | Vĩ   |
| 81  | Lentulo nha các cỡ            | Một vĩ có 4 cây. Sử dụng để quay xi măng hoặc thuốc vào ống tùy                                                                                                                                                                          | 8        | Vĩ   |
| 82  | Đai trám thẩm mỹ              | Đai trám nhựa sử dụng một lần, dùng khi trám xoang III, IV<br>Độ dày phù hợp để tái tạo tiếp xúc bên chặt chẽ, đảm bảo thẩm mỹ và chức năng cho vùng răng trước.<br>Linh hoạt, bề mặt láng mịn, dễ uốn cong.                             | 1        | Hộp  |
| 83  | Thuốc diệt tủy                | Thuốc diệt tủy an toàn không chứa thành phần Arsenic                                                                                                                                                                                     | 2        | Hộp  |
| 84  | Chỉ co nướu                   | Chỉ co nướu hút thấm nhanh, dễ dàng chèn vào kẽ răng, không bị sờn. Chỉ co nướu làm từ 100% các sợi cotton đan vào nhau. Khả năng hấp thụ chất lỏng (dịch, máu) cao. Lấy chỉ dễ dàng và vệ sinh với thước đo và dao cắt tích hợp trên lọ | 3        | Hộp  |
| 85  | Dầu xịt tay khoan             | Dầu xịt tay khoan có tác dụng làm sạch nhanh, hiệu quả và bôi trơn tất cả các loại tay khoan nhanh, tay khoan chậm, motor hơi. Được dùng để bôi trơn, làm sạch tay khoan sử dụng trong phẫu thuật chấn thương hàm mặt.                   | 5        | Chai |
| 86  | Chất lấy dấu Alginate         | Vật liệu lấy dấu chất lượng cao, phù hợp với nhiều mục đích lấy dấu. Hấp thu nước nhanh chóng giúp trộn dễ dàng.                                                                                                                         | 20       | Gói  |
| 87  | Cao su đặc lấy dấu            | Cao su đặc nha khoa chuyên dùng lấy dấu phục hình cố định và phục hình tháo lắp, lấy với độ ổn định cao, chính xác, kháng lực xé tốt, đàn hồi tốt.                                                                                       | 10       | Hộp  |
| 88  | Cao su lỏng lấy dấu           | Cao su lỏng nha khoa sử dụng để lấy dấu các chi tiết nhỏ trong phục hình cố định và phục hình tháo lắp, khả năng đàn hồi, ổn định rất tốt.                                                                                               | 10       | Hộp  |
| 89  | Bột xương nhân tạo            | Vật liệu sử dụng để ghép vào phần xương hàm bị thiếu hụt, giúp tăng cường khả năng tái tạo xương mới                                                                                                                                     | 5        | Hộp  |
| 90  | Màng xương nhân tạo           | 1 loại màng sinh học nhân tạo, giúp che phủ xương ghép, ổn định vùng ghép xương                                                                                                                                                          | 5        | Hộp  |
| 91  | Cọ quét keo                   | Dùng để quét keo nha khoa                                                                                                                                                                                                                | 10       | Lọ   |
| 92  | Xi măng trám răng             | Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp dùng để trám răng có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng                                                                                                                               | 5        | Hộp  |

| STT | Danh mục                                      | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt  |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|
| 93  | Đai kim loại                                  | Đai kim loại dùng lót và cô lập mặt bên trong trám xoang sâu mặt bên răng sau                                                                                                                                                                                                                       | 5        | Gói  |
| 94  | Ống hút nước bột                              | Một bình chứa 100 ống hút. Dùng để hút nước bột trong các thủ thuật răng miệng                                                                                                                                                                                                                      | 50       | Bịch |
| 95  | Trám gai các số                               | Trám gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy                                                                                                                                                                                                                                             | 10       | Vĩ   |
| 96  | Vật liệu che tủy Calci Hydroxide              | Calcium Hydroxid bột, dùng để sát trùng chữa trị ống tủy                                                                                                                                                                                                                                            | 5        | Lọ   |
| 97  | Chất hàn ống tủy                              | Chữa tủy răng và làm bít ống tủy                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5        | Hộp  |
| 98  | Vật liệu che/ bít tủy sinh học                | Dùng trong nha khoa, dùng để sửa chữa ống tủy, che tủy và tạo nút chặn chóp ống tủy                                                                                                                                                                                                                 | 5        | Hộp  |
| 99  | Eugenol                                       | Dung dịch sát trùng ống tủy, giảm đau, giảm ê buốt răng, sử dụng như một dung môi đi kèm với oxit kẽm tạo thành hỗn hợp trám tạm trong điều trị phục hồi nha khoa.                                                                                                                                  | 7        | Lọ   |
| 100 | Oxit kẽm                                      | Tạo lớp keo mướt khi trộn với Eugenol, Cho lực nén vừa đủ, Tạo lớp trám giảm đau hoặc lót dưới các vật liệu                                                                                                                                                                                         | 3        | Hộp  |
| 101 | Mũi khoan kim cương nha khoa các loại, các cỡ | Mũi khoan kim cương, được phủ lớp bột kim cương nhân tạo, là một công cụ quan trọng trong nha khoa nhờ khả năng tăng độ sắc bén và độ bền. Loại mũi khoan này thường được sử dụng để cắt, mài và tạo hình răng                                                                                      | 100      | Mũi  |
| 102 | Sò đánh bóng                                  | bột đánh bóng sau cạo vôi, mùi vị tuyệt vời với nhiều hương mịn, dùng loại bỏ mảng bám...                                                                                                                                                                                                           | 1        | Hộp  |
| 103 | Cung thép cố định hàm                         | Cung thép cố định hàm điều trị các chấn thương vùng hàm mặt<br>- Thành phần: thép không gỉ<br>- Thích hợp với chu trình tiết khuẩn                                                                                                                                                                  | 320      | Cặp  |
| 104 | Chỉ thép Răng Hàm Mặt                         | Chỉ thép Răng Hàm Mặt: Dùng trong phẫu thuật hàm mặt, kết hợp xương, treo xương, cố định xương hàm gãy, cố định răng gãy.                                                                                                                                                                           | 24       | Tép  |
| 105 | Mũi khoan thép các cỡ                         | Mũi khoan thép cán thẳng dài đầu tròn dùng cho máy mài Micromotor lâm sàng                                                                                                                                                                                                                          | 240      | Cái  |
| 106 | Chổi đánh bóng                                | Cán kim loại, đầu bước nhỏ, sử dụng để đánh bóng cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác. Chổi cước có độ bền cao                                                                                                                                                  | 1        | Hộp  |
| 107 | Vật liệu máng nhai                            | Làm bằng nhựa, được sử dụng để điều trị thói quen nghiến răng bằng máng, điều trị đau khớp thái dương hàm, điều trị chấn thương hàm mặt, một trong những công đoạn điều trị của viêm khớp thái dương hàm                                                                                            | 10       | Cái  |
| 108 | Dây dẫn đường dùng trong niệu quản            | * Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn.<br>* Kích cỡ: 0.032", 0.035" dài 150cm. Chất liệu Nitinol phủ PTFE, tip phủ Hydrophobic. Tip đầu thẳng mềm.<br>Có marker giúp dễ quan sát trên xquang hoặc tương đương.                                                             | 100      | Cái  |
| 109 | Ống kính nội soi niệu quản mềm                | Dùng để hỗ trợ phẫu thuật nội soi trong việc điều trị sỏi tiết niệu và thực hiện các thủ tục điều trị, kết hợp với các vật tư và phụ kiện khác như sợi truyền quang, vv..<br>* Kênh làm việc: 3.6 Fr.<br>* Góc uốn: -285 độ; +285 độ.<br>* Độ phân giải: 400 x 400 pixels.<br>* Trường nhìn: 90 độ. | 50       | Cái  |

| STT | Danh mục                                                                        | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số lượng | Đvt |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đường ngắm: 0 độ.</li> <li>* Vùng khả kiến: 3-5mm.</li> <li>* Chiều dài làm việc: 650mm.</li> <li>* Độ rộng của ống chèn: 5.1 - 9.2Fr.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |     |
| 110 | Vỏ đỡ niệu quản dùng cho ống kính soi mềm                                       | Dùng hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi để thiết lập đường dẫn tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa Ống kính soi quang học và các dụng cụ khác để chẩn đoán và điều trị tán sỏi, Có hai kênh.<br>Kích cỡ: các cỡ từ 9Fr - 12Fr.<br>Dài 13cm - 55cm.                                                                                                                                                                                                                                                      | 40       | Cái |
| 111 | Bộ nong thận chuyên dùng cho tán sỏi qua da                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Dùng để tạo đường hầm chuyên dùng trong phẫu thuật lấy sỏi qua da.</li> <li>* Bộ gồm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>. 01 sheath hai kênh vừa hút vừa tán: kích cỡ 18Fr x 13cm.</li> <li>. Gồm 6 que nong: 8Fr - 18Fr.</li> <li>. 01 kim chọc dò: kích cỡ: 18G x 23cm.</li> <li>. 01 cái Guide wire: kích cỡ: 0.032" x 80cm, tip J.</li> <li>. 01 cái ống thông dẫn lưu thận silicone: kích cỡ: 14Fr, bóng 5ml.</li> </ul> </li> </ul> | 200      | Cái |
| 112 | Ống thông niệu quản dùng cho tán sỏi qua da                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Catheter hai đầu mở. Đầu catheter góc cạnh cho phép catheter dễ đi qua bằng phương pháp tán sỏi ngoài cơ thể (ESWL). Thân catheter trơn nhẵn dễ chèn.</li> <li>* Dùng để hỗ trợ phẫu thuật dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang</li> </ul> Size cỡ: 5Fr, 6Fr, 7Fr. Tương ứng dây dẫn 0.035" (size số 5Fr); 0.038" (6.7Fr). Chiều dài 70mm.                                                                                                             | 100      | Cái |
| 113 | Sonde JJ ghép thận                                                              | Chất liệu bằng silicone hoặc polyurethan, dài $\geq 16$ cm, kích cỡ 5Fr-7Fr, tương thích với guidewire 0.035". Tiệt trùng sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 20       | Cái |
| 114 | Sonde dẫn lưu đặt nong niệu quản các size, đầu mở, loại đặt lưu từ 3-6 tháng    | Chất liệu : Polyurethane(PUR) .Open tip- đầu mở : 2 lỗ mở ở cuối 2 đầu cong hình chữ J màu trắng giúp dẫn lưu tốt, với khoảng sáng dẫn lưu lớn có lỗ 2 bên, có vạch chia chiều dài . Cản quang<br>- Cây đẩy Pusher màu xanh dương dài 40cm.                                                                                                                                                                                                                                                           | 1.800    | Cái |
| 115 | Sonde dẫn lưu đặt nong niệu quản các size, đầu mở, loại đặt lưu từ 9 - 12 tháng | Ống thông lưu lâu ngày lên đến 365 ngày , Vật liệu Carbothane TPU tương thích sinh học , đóng gói tiệt trùng bằng khí EO . Có vạch chia màu đen trên thân ống , có cản quang , có chỉ ở đầu xa<br>Kích cỡ sonde : 5/6/7/8Fr , chiều dài : 20-30cm<br>Kích thước que đẩy : 4.8/6/7Fr , Chiều dài : 45/70/90cm<br>Gồm các thành phần : 01 Ống sonde ( có chỉ đầu xa) , 01 kẹp , 01 que đẩy , 01 dây dẫn đường PTFE dài 150cm                                                                            | 100      | Cái |
| 116 | Lưới nâng đường tiểu nữ loại 2 nhánh                                            | Bảng treo dùng điều trị tiểu không tự chủ khi gắng sức ở nữ, bao gồm:<br>- Bảng lưới:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 10       | Cái |

| STT   | Danh mục                                                                    | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Monofilament polypropylene không tan, không biến dạng trong cơ thể hoặc tương đương.</li> <li>+ Kích thước: dài 450 mm <math>\pm</math> 5mm, rộng 15 mm <math>\pm</math> 0.2mm, dày 0.54 mm <math>\pm</math> 0.005 mm, khối lượng <math>\geq</math> 65g/m<sup>2</sup>.</li> <li>+ Có thể đặt lâu dài trong cơ thể.</li> <li>- Tay cầm:</li> <li>+ Chất liệu: Polycarbonate.</li> <li>- Kim:</li> <li>+ Chất liệu: thép không gỉ.</li> <li>+ Dạng xoắn (helical).</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn.</li> </ul> |          |     |
| 117   | Rọ bắt sỏi                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Dùng để gắp và loại bỏ các vật thể lạ ở niệu quản - thận trong quá trình nội soi.</li> <li>* Kích cỡ: 2.5 - 3Fr.</li> <li>* Dài: <math>\geq</math>120cm, loại 4 dây.</li> <li>* Đầu nhọn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 50       | Cái |
| 118   | Hệ thống nẹp vít sử dụng cho phẫu thuật cột sống lưng lõi sau (PLIF - TLIF) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |     |
| 118.1 | Đĩa đệm cột sống lưng loại cong                                             | <p>Vật liệu Peek hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khoang nhồi xương</li> <li>- Chiều rộng : 9mm đến 11mm</li> <li>- Chiều cao : Tối thiểu có 8mm, 9mm, 10mm, 11mm, 12mm, 13mm, 14mm.</li> <li>- Chiều dài : khoảng 25mm đến 30mm</li> <li>- Có điểm cân quang để kiểm tra</li> </ul>                                                                                                                                          | 52       | Cái |
| 118.2 | Nẹp dọc thẳng dài các cỡ                                                    | <p>Chất liệu Titanium hoặc tương đương.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính : Khoảng 5.5mm</li> <li>- Chiều dài Khoảng 500mm.</li> <li>- Có đường đánh dấu chạy dọc theo nẹp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                            | 80       | Cái |
| 118.3 | Nẹp nối ngang cột sống lưng ngực                                            | <p>Có thể uốn nẹp để phù hợp với giải phẫu của từng bệnh nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 đầu có kèm vít để khóa với nẹp dọc.</li> <li>- Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.</li> <li>- Chiều dài dạng cố định : từ 20 đến 60mm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5        | Cái |

| STT   | Danh mục                                    | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Đvt |
|-------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                             | - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                 |          |     |
| 118.4 | Vít đa trục góc dao động hạn chế            | - Vít xoay trên 1 bình diện, giúp chỉnh xoay ngang đốt sống<br>- Thân vít có bước ren đôi.<br>- Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính : từ 4.5mm đến 6.0mm<br>- Chiều dài từ 25mm đến 55mm    | 10       | Cái |
| 118.5 | Vít đa trục các cỡ                          | Bước ren đôi trên thân vít. Vít đa trục<br>- Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>- Đường kính: 4.0mm đến 8.5mm. Tối thiểu có các vít có đường kính 4.0 mm, 4.5 mm, 5.0mm.<br>- Chiều dài: 25mm đến 60mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).  | 500      | Cái |
| 118.6 | Vít đơn trục cột sống lưng                  | Bước ren đôi trên thân vít. Vít đơn trục<br>- Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>- Đường kính: 4.0mm đến 7.5mm. Tối thiểu có các vít có đường kính 4.0 mm, 4.5 mm, 5.0mm.<br>- Chiều dài: 25mm đến 60mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 8        | Cái |
| 118.7 | Ốc (vít) khóa trong                         | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                           | 518      | Cái |
| 119   | Hệ thống nẹp vít phẫu thuật cổ sau, chẩm cổ |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |     |
| 119.1 | Nẹp chẩm cổ uốn sẵn                         | Vật liệu: hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Đường kính từ 3.0mm đến 3.5mm.<br>Dài 200mm đến 240 mm.<br>Uốn sẵn tại vùng chẩm.                                                                              | 6        | Cái |
| 119.2 | Nẹp dọc cổ sau                              | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>Dài khoảng từ 200mm đến 240mm.<br>Đường kính khoảng từ 3.0mm đến 3.5mm.                                                                                                                                                                                                        | 50       | Cái |

| STT   | Danh mục                                              | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                        | Số lượng | Đvt |
|-------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                       | Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                        |          |     |
| 119.3 | Nẹp nối ngang                                         | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>Chiều dài từ 40 mm đến 60mm.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                | 5        | Cái |
| 119.4 | Vít chằm                                              | Vật liệu: hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>Đường kính khoảng từ 4.0 mm đến 5.0 mm.<br>Chiều dài vít từ 6 - 18mm.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                               | 18       | Cái |
| 119.5 | Vít đa trục cột sống cổ lõi sau                       | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>Vít đa trục tự tarô.<br>Đường kính vít 3.5mm đến 4.0 mm.<br>Chiều dài từ 10mm đến 50mm.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                     | 300      | Cái |
| 119.6 | Kẹp giữ nẹp nối ngang                                 | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>Dùng để cố định nẹp nối ngang vào nẹp dọc.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                  | 10       | Cái |
| 119.7 | Ốc khóa trong dùng cho vít đa trục cột sống cổ sau    | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>Vít khóa trong cột sống cổ sau tương thích với vít đa trục cột sống cổ lõi sau và nẹp dọc cổ sau cùng bộ.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                   | 300      | Cái |
| 120   | Hệ thống nẹp vít phẫu thuật bệnh lý cột sống cổ trước |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |     |
| 120.1 | Miếng ghép đĩa đệm cổ                                 | Vật liệu: peek hoặc tương đương.<br>- Hai bề mặt trên dưới có răng chống trượt.<br>- Có điểm đánh dấu căn quang bằng titanium<br>- Chiều rộng khoảng từ 13mm đến 17mm.<br>- Chiều sâu khoảng từ 11mm đến 15mm.<br>- Chiều cao: từ 5mm đến 9mm, ít nhất phải có các chiều cao 5mm, 6mm, 7mm, 8mm.<br>- Có khoang ghép xương. | 50       | Cái |

| STT   | Danh mục                                 | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                          | - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                               |          |     |
| 120.2 | Nẹp cổ trước                             | Vật liệu: Hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Dài từ 19 đến 30mm<br>- Trên nẹp có khóa vít<br>- Chiều dày nẹp (A-P): Khoảng từ 2.25mm đến 2.5mm.        | 20       | Cái |
| 120.3 | Nẹp cổ trước                             | Vật liệu: Hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Dài từ 32 đến 50mm<br>- Trên nẹp có khóa vít<br>- Chiều dày nẹp (A-P): Khoảng từ 2.25mm đến 2.5mm.        | 25       | Cái |
| 120.4 | Nẹp cổ trước                             | Vật liệu: Hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Dài từ 50 đến 67.5mm .<br>- Trên nẹp có khóa vít.<br>- Chiều dày nẹp (A-P): Khoảng từ 2.25mm đến 2.5mm.   | 5        | Cái |
| 120.5 | Nẹp cổ trước                             | Vật liệu: Hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Dài từ 70 đến 85mm<br>- Trên nẹp có khóa vít<br>- Chiều dày nẹp (A-P): Khoảng từ 2.25mm đến 2.5mm.        | 2        | Cái |
| 120.6 | Vít cột sống cổ đơn hướng tự ta rô       | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>Vít tự taro.<br>Đường kính vít: từ 4.0mm đến 4.5 mm.<br>Chiều dài vít từ 11mm-17mm (tối thiểu có 13mm, 14mm, 15mm).<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 200      | Cái |
| 121   | Hệ thống miếng ghép cột sống cổ liền nẹp |                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |     |
| 121.1 | Vít tự khoan                             | Vật liệu: hợp kim Titanium hoặc tương đương, vít tự khoan.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu                                                                                                                  | 100      | Cái |

| STT   | Danh mục                                                         | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                                  | chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính từ 3.5 mm đến 4.0mm.<br>- Chiều dài: từ 11mm đến 15mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |     |
| 121.2 | Miếng ghép đĩa đệm nghiêng                                       | Nẹp cổ trước liền đĩa đệm.<br>Vật liệu Peek hoặc tương đương.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Có răng trên dưới chống tuột, có 2 lỗ để bắt vít vào thân đốt sống và có khóa vít bên trên.<br>- Kích thước:<br>+ Chiều cao từ 5mm đến 9mm, ít nhất phải có 5mm, 6mm, 7mm, 8 mm;<br>+ Rộng 15mm đến 17mm;<br>+ Sâu 12mm đến 14mm.<br>- Có điểm đánh dấu cân quang bằng chất liệu hợp kim Titan<br>- Có khoang ghép xương | 50       | Cái |
| 122   | Hệ thống nẹp vít phẫu thuật cột sống ngực - thắt lưng 2 bước ren |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |     |
| 122.1 | Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome           | Vật liệu hợp kim Cobalt Chrome hoặc tương đương. Nẹp dọc cột sống ngực lưng đường kính 4.5mm đến 5.0mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 50       | Cái |
| 122.2 | Vít cột sống đa trục hai bước ren                                | Vật liệu thân vít: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính: từ 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5,5mm, 6.0mm, 6.5mm và 7.5mm. chiều dài từ 20mm đến 60mm.<br>- Vít đa trục 2 bước ren để tăng độ bám trên xương. Phần ren xương xóp phía đầu vít với khoảng cách 2 bước ren từ 3.5mm đến 4mm và phần ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa 2 bước ren khoảng 1.5mm đến 2mm.                   | 300      | Cái |
| 122.3 | Ốc khóa trong cho nẹp vít phẫu thuật thắt lưng                   | Vật liệu: Hợp kim Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Tự gây khi đủ lực hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 300      | Cái |
| 123   | Thân đốt sống nhân tạo                                           | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính: Khoảng 13mm đến 16mm<br>- Dài: khoảng 30mm đến 35mm.<br>- Dạng hình trụ tròn<br>- Đặt giãn đốt hoặc thay thân sống.                                                                                                                                                                                                                      | 25       | Cái |

| STT   | Danh mục                                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 124   | Thân đốt sống nhân tạo                                     | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính từ 13mm 16mm.<br>- Dài khoảng 60 mm đến 70mm. Chiều dài cố định.<br>- Dạng hình trụ tròn.<br>- Có khung rỗng để ghép xương.                                                                                                                                                              | 5        | Cái |
| 125   | Hệ thống nẹp vít ngực, thắt lưng qua da                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |     |
| 125.1 | Nẹp dọc thẳng qua da cột sống ngực lưng hợp kim Titanium   | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính khoảng 5.5mm.<br>- Dài từ 130mm đến 180mm.<br>- Đầu tù, 2 đầu đều có mẫu gắn dụng cụ để luồn qua da.                                                                                                                                                                                     | 40       | Cái |
| 125.2 | Nẹp dọc uốn sẵn bắt qua da                                 | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Uốn cong sẵn, đường kính khoảng 5.5mm.<br>- Dài từ 30mm đến 130mm.<br>- Nẹp dọc được thiết kế 1 đầu nhọn để xuyên qua da và 1 đầu có gờ để gắn dụng cụ.                                                                                                                                             | 40       | Cái |
| 125.3 | Ốc khóa trong cho nẹp dọc thẳng qua da                     | Vật liệu: hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Tự gây khi vận đủ lực hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                                | 160      | Cái |
| 125.4 | Vít đốt sống đa trục rỗng nòng                             | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Rỗng lòng.<br>- Đường kính: từ 5.5 mm đến 7.5mm.<br>- Dài từ 35mm đến 50mm.                                                                                                                                                                                                                    | 160      | Cái |
| 125.5 | Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống | Đóng gói tiệt trùng sẵn. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Hình dạng: hình hạt đậu, trên bề mặt có răng giúp gắn chặt hơn vào thân xương.<br>- Vật liệu: Peek hoặc tương đương, có điểm cản quang trên thân.<br>- Chiều dài trước - sau: từ 25mm đến 30mm.<br>- Chiều cao: từ 8mm, 9mm, 10mm, 11mm, 12mm, 13mm, 14mm.<br>- Chiều sâu: Khoảng 10mm.<br>- Khoang ghép xương. | 260      | Cái |

| STT   | Danh mục                                                        | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số lượng | Đvt |
|-------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 126   | Hệ thống nếp vít ngực, thắt lưng qua da 2 bước ren              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |     |
| 126.1 | Nếp dọc uốn sẵn qua da cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome | Vật liệu: Cobalt Chrome hoặc tương đương.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính: từ 4.5 mm đến 5.0mm.<br>- Nếp uốn sẵn.<br>- Chiều dài từ 30mm - 90mm.                                                                                                                                | 50       | Cái |
| 126.2 | Vít đa trục rỗng nòng qua da                                    | Vật liệu thân vít hợp kim Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Vít rỗng nòng.<br>- Vít có hai bước ren để tăng độ bám vào xương, phần ren xương xóp phía đầu vít và phần ren xương cứng phía mũ vít.<br>- Đường kính từ 4.5mm - 7.5mm.<br>- Chiều dài vít từ 35mm - 50mm. | 100      | Cái |
| 126.3 | Ốc khóa trong cho nếp dọc                                       | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>- Tự gãy khi vận đủ lực hoặc tương đương.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                               | 100      | Cái |
| 127   | Hệ thống nếp vít cố định, chỉnh gù vẹo, nắn trượt cột sống      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |     |
| 127.1 | Nếp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Titanium               | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Dài Khoảng 500mm.<br>- Đường kính khoảng 5.5mm.                                                                                                                                                                            | 180      | Cái |
| 127.2 | Nếp nối ngang cố định cột sống                                  | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Xoay đa chiều và điều chỉnh được chiều dài.<br>- Dài từ 28 đến 81mm.<br>- Cố định với nếp dọc bằng 02 vít khóa.                                                                                                            | 20       | Cái |
| 127.3 | Vít cột sống đa trục                                            | Vít đa trục, Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính từ 4.0mm đến 7.5mm.<br>- Chiều dài từ 20 đến 50mm.                                                                                                                                    | 1.100    | Cái |

| STT   | Danh mục                                                                  | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Đvt |
|-------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                                           | - Tối thiểu có vít có đường kính: 4.0mm và 4.5mm, chiều dài 20mm để bắt vít chân cung đốt sống ngực cao nắn chỉnh gù vẹo trẻ em.                                                                                                                                                           |          |     |
| 127.4 | Vít khóa trong cho nẹp dọc                                                | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Tự gây khi vận đủ lực hoặc tương đương.                                                                                                     | 1.100    | Cái |
| 128   | Đĩa đệm động toàn phần cột sống cổ                                        | Gồm 2 đĩa vật liệu Titanium hoặc tương đương, bề mặt trong lõm. Mỗi đĩa bề mặt ngoài có các đỉnh cản quang.<br>Kích thước: Sâu khoảng 13mm, rộng khoảng 16 mm, cao: 5mm, 6mm, 7mm.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 10       | Cái |
| 129   | Đĩa đệm nhân tạo trong phẫu thuật cột sống cổ có xương ghép sẵn bên trong | Vật liệu: PEEK hoặc tương đương.<br>Chiều sâu từ 12mm đến 14mm.<br>Chiều cao: Tối thiểu có 5mm, 6mm, 7mm.<br>Có xương ghép sẵn bên trong.<br>Đóng gói tiệt trùng sẵn. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                 | 20       | Cái |
| 130   | Hệ thống nẹp vít cột sống lưng, ngực titanium                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |     |
| 130.1 | Nẹp dọc cột sống thắt lưng                                                | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Kích thước: Đường kính # 6.0mm, chiều dài từ 50-90mm.                                                                                         | 70       | Cái |
| 130.2 | Nẹp dọc thẳng                                                             | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Kích thước: Đường kính # 6.0mm, chiều dài $\geq 400$ mm.                                                                                      | 10       | Cái |
| 130.3 | Nẹp nối ngang cột sống thắt lưng                                          | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Kích thước: dài từ 35 đến 50mm, chiều dài có thể tự điều chỉnh.                                                                               | 5        | Cái |
| 130.4 | Vít đa trục cột sống thắt lưng                                            | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Kích thước: đường kính từ 4.5 đến 7.5mm, dài từ 20 đến 60mm.                                                                                  | 500      | Cái |
| 130.5 | Vít đơn trục cột sống thắt lưng các cỡ                                    | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Kích thước: đường kính: từ 4.5 đến 8.5mm, dài 20 đến 60mm.                                                                                    | 4        | Cái |
| 130.6 | Vít đơn trục đuôi dài (nắn trượt) cột sống thắt lưng các cỡ               | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                  | 4        | Cái |

| STT   | Danh mục                                                                               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                                                        | Kích thước: đường kính: từ 4.5 đến 8.5mm, dài từ 20 đến 45mm<br>Đầu vít dài, 2 bên có xẻ rãnh, có thể bẻ gãy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |     |
| 130.7 | Vít khóa trong cột sống thắt lưng                                                      | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Vít khóa trong tương thích với nẹp dọc và vít cùng bộ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 514      | Cái |
| 130.8 | Vít trượt đa trục cột sống lưng                                                        | Đầu vít cao để nắn trượt thân đốt sống.<br>- Bước ren đôi trên thân vít.<br>- Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Đường kính : 5.5mm đến 7.5mm<br>- Chiều dài: 30mm đến 55mm                                                                                                                                                                             | 6        | Cái |
| 131   | Bộ nội soi tạo hình nhân nhầy đĩa đệm cột sống cổ, thắt lưng                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |     |
| 131.1 | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma giải phóng áp đĩa cột sống lưng qua da                | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng để tạo hình nhân đệm cột sống lưng:<br>- Chiều dài làm việc khoảng 210mm đến 230mm, đường kính đầu đốt khoảng 1.4mm đến 1.5mm.<br>- Hóa hơi các mô nhân ở nhiệt độ thấp được kiểm soát.<br>- Cung cấp kèm theo một kim chọc dò lưỡi vát.<br>- Đóng gói tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần.                                                                                                                                  | 5        | Cái |
| 131.2 | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma giải phóng áp đĩa cột sống cổ qua da                  | Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng để dùng để tạo hình nhân đệm cột sống cổ:<br>- Chiều dài làm việc khoảng 100mm đến 110mm , đường kính đầu đốt khoảng 0.9mm đến 1mm.<br>- Hóa hơi các mô nhân ở nhiệt độ thấp được kiểm soát.<br>- Cung cấp kèm theo một kim chọc dò lưỡi vát.<br>- Đóng gói tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần.                                                                                                                             | 5        | Cái |
| 131.3 | Bộ kit dẫn đường và Đầu đốt sóng cao tần Plasma nội soi cắt bỏ một phần đĩa đệm qua da | Bộ kit dẫn đường nội soi và lưỡi cắt đốt dùng để đốt và cầm máu bằng sóng cao tần dùng trong nội soi cột sống loại bỏ nhân nhầy đĩa đệm<br>- Bộ kit dẫn đường nội soi gồm 2 thanh dẫn hướng, nòng mũi bằng, nòng mũi vác nhọn, ống nong, nút chặn nòng.<br>- Đường kính đầu đốt khoảng 2.4mm đến 3.0mm, chiều dài làm việc khoảng 230 mm đến 235mm, đầu dao đốt uốn được đến 280, điều khiển trực tiếp trên tay cầm.<br>- Đóng gói tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần. | 5        | Cái |
| 131.4 | Đầu đốt TC đầu dẫn sóng RF đốt dây thần kinh điều trị đau                              | Đầu đốt dẫn sóng RF đốt dây thần kinh điều trị đau:<br>- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương<br>- Chiều dài: từ 100mm đến 150mm, tối thiểu có 100mm, 150mm.<br>- Có thể triệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1        | Cái |

| STT   | Danh mục                                                                                                 | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số lượng | Đvt |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nhiều lần.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |     |
| 131.5 | Ống nong dùng 1 lần, dạng thẳng, dùng cho Đầu đốt TC dẫn sóng RF đốt dây thần kinh điều trị đau          | <p>Ống nong dùng 1 lần, dạng thẳng, dùng cho đầu đốt dẫn sóng RF đốt dây thần kinh điều trị đau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương.</li> <li>- Chiều dài: từ 100mm đến 150mm, tối thiểu có 100mm, 150mm.</li> <li>- Đường kính khoảng 22G/20G/17G, đầu tiếp xúc: 2/5/7/10mm.</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul> | 90       | Cái |
| 131.6 | Ống nong dùng 1 lần, dạng cong 8 độ (dùng cho Đầu đốt TC đau dẫn sóng RF đốt dây thần kinh điều trị đau) | <p>Ống nong dùng 1 lần, dạng cong 8 độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương</li> <li>- Chiều dài: từ 100mm đến 150mm, tối thiểu có 100mm, 150mm.</li> <li>- Đường kính 0.7 đến 0.9mm, đầu tiếp xúc 5 đến 10mm</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                    | 10       | Cái |
| 132   | Hệ thống bơm xi măng đốt sóng qua bóng nong                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |          |     |
| 132.1 | Bộ bơm áp lực có đồng hồ đo                                                                              | <p>Dạng xilanh có đồng hồ thể hiện áp lực qua màn hình LCD.</p> <p>Có dây dẫn thuốc cân quang từ xilanh đến bóng nong.</p> <p>- Có chỉ số dung tích trên xi lanh tương đồng với bóng nong.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 80       | Cái |
| 132.2 | Bóng nong thân đốt sóng                                                                                  | <p>Bóng chịu lực tối đa # 400psi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước 10, 15, 20 x 3mm.</li> <li>- Nhiều size và kích cỡ.</li> <li>- Khi kết hợp với xilanh bơm phòng bóng có hiển thị áp lực qua màn hình LCD thì áp lực tối đa là # 400 psi trong xương xốp.</li> <li>- Có điểm cân quang để kiểm soát.</li> <li>- Thể tích bóng: 4cc đến 6cc.</li> <li>- Bóng có nòng để dẫn đường.</li> </ul>                                                                            | 80       | Cái |
| 132.3 | Kim chọc dò cuống sóng                                                                                   | <p>Vật liệu : Hợp kim y tế hoặc tương đương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>- Bao gồm: Kim và nòng (trocar).</li> <li>- Bao gồm: 01 Kim và 01 nòng dài khoảng 95mm đến 100mm.</li> <li>- Kích cỡ 11 Gauge.</li> </ul>                                                                                                                                                | 160      | Cái |

| STT   | Danh mục                           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 132.4 | Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống  | Vật Liệu : Hộp kim y tế hoặc tương đương<br>- Dùng để đưa Xi măng vào thân sống, tránh trào ngược.<br>- Bao gồm 1 ống rỗng nòng đường kính khoảng 3mm và 1 kim chọc đẩy xi măng có vạch chia dung tích.<br>- Mỗi dụng cụ đưa được khoảng 1.5cc                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 200      | Cái |
| 132.5 | Kim chọc khoan thân sống           | Có trocar để dẫn mũi khoan.<br>- Vật liệu : Hộp kim y tế hoặc tương đương.<br>- Ống troca rỗng nòng đường kính # 4.0mm đến 4.3mm có thước đo trên thân troca thể hiện chiều dài khi troca qua da (Chiều dài troca từ 115mm đến 120mm).<br>- 1 mũi khoan thân đốt sống cỡ 3 trên thân mũi khoan có hiển thị chiều sâu khi khoan vào thân sống (chiều sâu tối đa 40mm), 2 kim mũi nhọn và 2 kim đầu tù.                                                                                                                          | 80       | Bộ  |
| 133   | Bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn | Hệ thống bơm xi măng không bóng. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Hệ thống bơm được trang bị van an toàn, được kích hoạt khi áp lực bên trong xylanh quá cao hoặc khi bơm đẩy đi quá nhanh.<br>- Bộ bơm có thiết bị đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao.<br>- Có chức năng tự động điều chỉnh áp lực bơm.                                                                                                                                      | 30       | Bộ  |
| 134   | Xi măng sinh học kèm dung dịch pha | Thành phần: Methyl methacrylate-Styrene-copolymer, Barium sulphate<br>- Độ kết dính cao, có cản quang<br>- Xi măng hóa học có độ quán quang kèm dung dịch pha đơn cực.<br>- Xi măng tiết trùng có trọng lượng $\geq 20g$ gồm: Methyl methacrylate-Styrene-copolymer, Barium sulphate, Benzoyl peroxide<br>- Dung dịch pha có trọng lượng $\geq 9g$ gồm Methyl methacrylate, N, N-dimethyl-p-toluidine Hydroquinone<br>- Dung tích sau khi trộn từ 10-19cc, dạng bột quán sệt, có cản quang, thời gian đông cứng 10 đến 15 phút | 60       | Gói |
| 135   | Mũi mài tròn kim cương             | Mũi mài tròn kim cương.<br>Đường kính khoảng 4.5 đến 5.5mm, dài khoảng 260 đến 290mm.<br>Đóng gói tiết trùng sẵn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 15       | Cái |
| 136   | Dây bơm dịch tưới rửa              | Bộ dây bơm nước chất liệu PVC hoặc silicon hoặc tương đương.<br>Dài $\geq 3m$ , dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống.<br>Loại sử dụng một lần, tiết trùng sẵn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 50       | Cái |
| 137   | Bộ kim định vị                     | Bộ kim định vị dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống đường kính 18G (1.25mm), dài 250mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5        | Bộ  |
| 138   | Mũi mài tròn rãnh khế              | Mũi mài tròn rãnh khế, đường kính khoảng từ 3.0mm đến 3.7mm, chiều dài khoảng 350mm đến 355mm. Dùng với vỏ ngoài đường kính 4mm. Mũi mài dùng nhiều lần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2        | Cái |

| STT | Danh mục                             | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | Đvt   |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
| 139 | Điện cực đốt bằng sóng radio cao tần | Đường kính lõi khoảng 2.5mm<br>Dài khoảng 275mm đến 400mm<br>Dùng với bộ tay cầm lưỡng cực tháo lắp được.<br>Đóng gói tiệt trùng sẵn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 50       | Cái   |
| 140 | Mũi mài tròn kim cương               | Mũi mài tròn kim cương có đường kính 3.0mm đến 3.7 mm và dài khoảng từ 320 đến 355mm.<br>Dùng với vỏ ngoài đường kính khoảng 4mm<br>Dùng nhiều lần.                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 10       | Cái   |
| 141 | Xương nhân tạo                       | Sản phẩm xương đồng loại khử khoáng dạng sợi hoặc tương đương có chứa nhiều các protein tăng tạo xương(BMPs), kết hợp poloxamer cầm máu đáp ứng nhiệt, được vô khuẩn bằng tia gamma.                                                                                                                                                                                                                                                     | 60       | Hộp   |
| 142 | Xương nhân tạo                       | Xương nhân tạo chất liệu carbon-apatite hoặc tương đương, cấu trúc lỗ liên kết 3 chiều, kích thước lỗ khoảng 300µm, độ xốp 70-80%, dạng hạt<br>Thành phần : carbon-apatite hoặc tương đương 1g.                                                                                                                                                                                                                                          | 15       | Hộp   |
| 143 | Xương nhân tạo                       | Xương nhân tạo chất liệu carbon-apatite hoặc tương đương, cấu trúc lỗ liên kết 3 chiều, kích thước lỗ khoảng 300µm, độ xốp 70-80%, dạng hạt<br>Thành phần : carbon-apatite hoặc tương đương 5cc.                                                                                                                                                                                                                                         | 10       | Hộp   |
| 144 | Xương nhân tạo                       | Sản phẩm xương nhân tạo β-TCP tinh khiết hoặc tương đương , kích thước hạt 45-75µm, dạng gel, dễ hấp thu, có thể tạo hình, có thể trộn lẫn được.<br>Thành phần : Beta -TCP và hydrogel hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                 | 10       | Hộp   |
| 145 | Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu   | Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton. Hoặc tương đương, không gây kích ứng cơ thể. Đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Trạng thái xốp 40-85%, có nhiều lỗ nhỏ kích thước lỗ 250-1600 µm, dày 0.5-30mm.Thúc đẩy sự hình thành xương sọ. Che đậy các lỗ khoan sọ. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo | 60       | Miếng |
| 146 | Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu   | Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton. Hoặc tương đương, không gây kích ứng cơ thể. Đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Trạng thái xốp có nhiều lỗ nhỏ Thúc đẩy sự hình thành xương sọ. Che đậy các lỗ khoan sọ và cho phép đặt ống dẫn lưu. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo.                    | 10       | Miếng |
| 147 | Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu   | Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton. Hoặc tương đương không gây kích ứng cơ thể. Đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Trạng thái xốp 40-85%, có nhiều lỗ nhỏ kích thước lỗ 250-1600 µm, dày 2-3.5mm, dài                                                                                                                                                  | 30       | Miếng |

| STT | Danh mục                           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng | Đvt   |
|-----|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
|     |                                    | ≥100mm; rộng 2-3mm Thúc đẩy sự hình thành xương sọ. lấp đầy khoảng trống giữa nắp sọ và vòm sọ xung quanh. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |       |
| 148 | Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu | Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton. hoặc tương đương, không gây kích ứng cơ thể. Đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>Trạng thái xốp: 40% - 85%. Kích thước lỗ: 250 - 1600µm. Dày 2-3.5mm; dài ≥ 100mm; rộng 3.5-4mm; Lấp đầy khoảng trống giữa nắp sọ và vòm sọ xung quanh. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Thúc đẩy sự hình thành xương sọ.<br>Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo.                     | 20       | Miếng |
| 149 | Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu | Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton hoặc tương đương, không gây kích ứng cơ thể, đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu), dạng vòm sọ. Trạng thái xốp 40% - 85%, kích thước lỗ 250 - 1600µm. Dày ≥ 1.25mm; kích thước dài - rộng ≥ 25mm. Lót sần ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Thúc đẩy sự hình thành xương ổ mắt và xương vùng sọ mặt. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo. | 10       | Miếng |
| 150 | Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu | Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton. hoặc tương đương, không gây kích ứng cơ thể. Đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). Dày 1.25mm-1.5mm; kích thước dài - rộng ≥ 50mm. Trạng thái xốp 40% - 85%, kích thước lỗ 250 - 1600µm. Lót sần ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Thúc đẩy sự hình thành xương ổ mắt và xương vùng sọ mặt. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo.         | 10       | Miếng |
| 151 | Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu | Chất liệu nhựa sinh học Polycaprolacton. hoặc tương đương, không gây kích ứng cơ thể, đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). Dày ≥ 2mm; kích thước dài - rộng ≥ 50mm. Trạng thái xốp 40% - 85%, kích thước lỗ 250 - 1600µm. Lót sần ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Thúc đẩy sự hình thành xương ổ mắt và xương vùng sọ mặt. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo.                | 10       | Miếng |
| 152 | Điện cực dán mặt da                | Điện cực thần kinh dạng dán 2 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Dài 2 - 3m, miếng dán kích thước khoảng 2.7 x 2cm<br>- Thiết kế: gồm 2 miếng dán nối với dây dẫn.<br>Sử dụng tương thích với máy theo dõi thần kinh trong phẫu thuật NIM Eclipse thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                                               | 12       | Cái   |

| STT | Danh mục                                         | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Đvt |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 153 | Bộ kim điện cực gắn dưới da loại 2 dây xoắn      | Điện cực thần kinh dạng kim 2 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật.<br>- Dài 2 - 3m.<br>- Có 2 kim, nối với dây dẫn.<br>Sử dụng tương thích với máy theo dõi thần kinh trong phẫu thuật NIM Eclipse thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                               | 500      | Cái |
| 154 | Điện cực thần kinh dạng xoắn                     | Điện cực thần kinh dạng xoắn dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Dài 1 - 2m.<br>- 1 đầu có dạng hình xoắn vít, nối với dây dẫn.<br>Sử dụng tương thích với máy theo dõi thần kinh trong phẫu thuật NIM Eclipse thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                   | 200      | Cái |
| 155 | Điện cực nối đất loại đơn                        | Điện cực dán dạng đơn nối đất dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật sống<br>- Dài từ 1.5 - 2.5m.<br>- Gồm 1 đầu dán nối với dây dẫn.<br>Sử dụng tương thích với máy theo dõi thần kinh trong phẫu thuật NIM Eclipse thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                     | 50       | Cái |
| 156 | Kim điện cực gắn dưới da                         | Điện cực thần kinh dạng kim 1 kênh dùng để theo dõi điện sinh lý thần kinh quá trình phẫu thuật<br>- Dài 2 - 3m.<br>- Có 1 kim, nối với dây dẫn.<br>Sử dụng tương thích với máy theo dõi thần kinh trong phẫu thuật NIM Eclipse thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                                | 50       | Cái |
| 157 | Miếng vá khuyết sọ chất liệu titanium, 200x200mm | Chất liệu: Titan nguyên chất, không gây phản ứng cơ thể.<br>- Thiết kế: hình học 3D phù hợp với bán kính hình cầu hộp sọ, không gây gập hay chùng chéo, dễ uốn, dễ tạo hình.<br>- Đường kính lỗ lưới: có thể bắt vít từ 1.6mm đến 2.0mm.<br>- Rộng: khoảng 200mm - 220mm, dài: từ 200mm - 220mm.<br>- Độ dày: 0.4mm - 0.6mm.<br>- Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 15       | Cái |
| 158 | Miếng vá khuyết sọ chất liệu titanium, 100x100mm | Chất liệu: Titan nguyên chất không gây phản ứng cơ thể.<br>- Lưới vá sọ não kích thước nhỏ từ 90mm đến 100mm x 90mm đến 100mm.<br>- Thiết kế: hình học 3D phù hợp với bán kính hình cầu hộp sọ, không gây gập hay chùng chéo.                                                                                                                                                                                                              | 10       | Cái |

| STT | Danh mục                                                                  | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số lượng | Đvt |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                           | - Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |          |     |
| 159 | Vít mini tự khoan 2.0mm                                                   | - Chất liệu: Lõi Titan nguyên chất không gây phản ứng cơ thể.<br>- Thiết kế: tự khoan, tự ren tự taro. Bắt cố định tại điểm khoan.<br>- Đường kính: 1.6mm đến 2.0mm; dài: 4mm - 5mm - 6mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3.000    | Cái |
| 160 | Nẹp mini 2.0mm thẳng 16 lỗ                                                | Nẹp mặt thẳng 16 đến 22 lỗ (tối thiểu có loại 16 lỗ) cho vít từ 1.6 đến 2.0mm; độ dày nẹp khoảng 0.4mm - 1.0mm; chất liệu Titanium hoặc tương đương đảm bảo không gây kích ứng. Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.240    | Cái |
| 161 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng có thể điều chỉnh áp lực | Van có 5 mức áp lực: từ 0.5 đến 2.5 .<br>- Catheter não thất: có đường kính trong: từ: 1 đến 1.5mm; đường kính ngoài: từ: 2 đến 3mm; Chiều dài catheter não thất: 20 đến 25cm, catheter ổ bụng: dài 80 đến 100cm.<br>- Van có nhiều kích cỡ phù hợp cho người lớn và trẻ em.<br>- Van điều chỉnh bao gồm hệ thống bóng và van áp lực hình nón.Tương thích với Hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI) lên đến 3 Tesla.<br>- Chất liệu: lớp nền bằng polypropylene và acetalplastic, lớp vòm bằng silicone. Phần vòm có in mũi tên đánh dấu cản quang bằng tantalum chỉ hướng dòng chảy.<br>- Van có nút ấn để kiểm tra khả năng nghẹt van trước và sau khi đặt Shunt.<br>- Có thể điều chỉnh mức áp lực sau mổ bên ngoài bằng bộ điều chỉnh điện từ hoặc nam châm.<br>- Kèm Que luồn loại sử dụng 1 lần; chiều dài khoảng: 30 đến 60cm Đường kính trong: 3 đến 3.5mm; Đường kính ngoài: 4.5 đến 5mm. | 15       | Bộ  |
| 162 | Van dẫn lưu dịch não tủy                                                  | Chất liệu Silicone và Polypropylene. Van tự động đáp ứng các mức áp lực khác nhau từ rất thấp đến rất cao, có hoặc không sử dụng dụng cụ nam châm điều chỉnh bên ngoài, có bộ phận kiểm soát hiện tượng siphon (chảy dịch quá nhiều do tác động của trọng lực lên cột nước trong catheter ổ bụng).<br>Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 10       | Bộ  |
| 163 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ thất lưng ra ngoài                             | Bao gồm: Dây nối với bệnh nhân chiều dài 100 - 150cm; Khóa 4 chiều; Van chống trào ngược và công lấy mẫu; Xylanh 50ml - 75ml ; Túi đựng dịch khoảng 500ml đến 700ml, có chia vạch đo.<br>Kèm theo 1 Catheter dẫn lưu thất lưng dài 80cm - 100cm, đk ngoài 1 - 1.5mm đk trong 0.7mm - 1mm, 1 kim 14 G x 8.8cm, 2 khớp nối hai đầu catheter, 1 kim cùn cỡ 22G.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 20       | Bộ  |
| 164 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy trong                                             | Chất liệu Silicone và Polypropylene. Catheter dẫn lưu bụng dài 90cm đến 130cm, loại chống xoắn, có kiểm soát trào ngược. Catheter não thất loại dẫn lưu nhu động sinh lý, dài 16 - 20cm. Có đầy đủ các loại van áp lực trung bình, van áp lực thấp và van áp lực cao. Đạt Tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 50       | Bộ  |

| STT | Danh mục                                                                 | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|
|     |                                                                          | chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |      |
| 165 | Bộ dẫn lưu dịch não tủy ngoài                                            | <p>Dẫn dịch não tủy (CSF) từ não thất ra ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo dõi áp lực và tỷ lệ chảy của dịch não tủy từ não thất.</li> <li>- Giảm áp lực nội sọ (ICP).</li> <li>- Van lọc khí một chiều ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập và hiệu ứng áp lực âm.</li> <li>- Hai vị trí lấy dịch và tiêm thuốc não thất.</li> <li>- Bình chứa dịch di chuyển theo dõi dòng chảy, có khóa tạm để điều chỉnh áp lực.</li> <li>- Bảng theo dõi và điều chỉnh áp lực nội sọ kèm theo catheter não thất dài khoảng 30 đến 40 cm.</li> </ul>                                                                                                                                                                              | 90       | Bộ   |
| 166 | Keo sinh học vá mạch máu và màng não                                     | <p>Chức năng/ công dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bịt kín kẽ hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm.</li> <li>- Chỉ định với mô tại tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày - ruột non, đại trực tràng), các bộ phận khác trong ổ bụng (tuyến tụy, lá lách, gan và mật) và trong định hình miếng phẫu thuật trong sửa chữa thoát vị.</li> </ul> <p>Thể tích: 2ml - 4ml.</p> <p>Đóng gói tiệt trùng bao gồm 1 tuýp 2ml- 4ml keo và 4 đầu bơm keo tiêu chuẩn.</p> <p>Đặc điểm kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chịu được áp lực hơn 450mmHg</li> <li>- Thiết kế xylanh hai nòng và vòi bơm dạng xoắn</li> <li>- Có độ bền và độ bám dính tối ưu</li> </ul> | 320      | Tuýp |
| 167 | Mũi khoan cắt sọ, tương thích với máy khoan model IPC                    | <p>Mũi khoan cắt và phá sọ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính từ 2.0mm đến 8mm, dài từ 7 đến 10cm.</li> <li>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 80       | Cái  |
| 168 | Mũi khoan mài sọ, mũi mài hình tròn, tương thích với máy khoan model IPC | <p>Mũi khoan mài sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính từ 2 đến 6mm.</li> <li>- Chiều dài làm việc 8 đến 15cm.</li> <li>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 30       | Cái  |

| STT | Danh mục                                                             | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 169 | Mũi khoan phá sọ, mũi hình tròn, tương thích với máy khoan model IPC | Mũi khoan phá sọ dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đường kính từ 2.0mm đến 8.0mm<br>- Chiều dài làm việc 8cm đến 15cm<br>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                    | 105      | Cái |
| 170 | Đầu chụp mũi khoan cắt mở sọ dài 8cm                                 | Đầu chụp mũi khoan cắt sọ 8cm dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đầu chụp thẳng, tương thích với mũi khoan cắt sọ dài 8cm.<br>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6        | Cái |
| 171 | Đầu chụp mũi khoan mài dài 14cm, thẳng                               | Đầu chụp mũi khoan mài thẳng dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đầu chụp thẳng, tương thích với mũi khoan cắt sọ dài 14cm .<br>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2        | Cái |
| 172 | Đầu chụp mũi khoan tạo lỗ dài 10 cm, thẳng                           | Đầu chụp mũi khoan tạo lỗ thẳng dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não<br>- Đầu chụp thẳng, tương thích với mũi khoan nhỏ dài 10cm.<br>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2        | Cái |
| 173 | Đầu chụp mũi khoan mài dài 10cm, cong                                | Đầu chụp mũi khoan mài cong dùng trong phẫu thuật thần kinh<br>- Đầu chụp cong, tương thích với mũi khoan cắt sọ dài 10cm.<br>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4        | Cái |
| 174 | Đầu chụp mũi khoan tạo lỗ dài 15 cm, cong                            | Đầu chụp mũi khoan tạo lỗ cong dùng trong phẫu thuật thần kinh sọ não<br>- Đầu chụp thẳng, tương thích với mũi khoan nhỏ dài 15cm.<br>- Sử dụng tương thích với máy khoan sọ não tốc độ cao IPC EC300 thuộc sở hữu của bệnh viện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2        | Cái |
| 175 | Kẹp titan túi phình mạch máu não các loại                            | Bao gồm 2 loại: Loại mini và Loại chuẩn (Standard) vĩnh viễn chất liệu titanium. Đóng gói tiệt trùng sẵn.<br>Loại chuẩn:<br>- Hình dạng cấu tạo cong/ lưỡi lê / thẳng/vòng nhẫn.<br>- Đối với loại thẳng và hình lê chiều dài hàm kẹp từ 5mm đến 20 mm và ít nhất phải có loại 7mm, 9mm.<br>- Đối với loại cong chiều dài hàm kẹp từ 5mm đến 20 mm và ít nhất phải có 5mm, 7mm, 9mm.<br>- Đối với loại vòng nhẫn chiều dài hàm kẹp từ 3 đến 12 mm, ít nhất phải có loại 3mm, 4mm, 5mm, 7mm với loại thẳng và ít nhất có 5mm, 7 mm với loại gấp góc. | 300      | Cái |

| STT   | Danh mục                                                                | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số lượng | Đvt |
|-------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip.</li> </ul> Loại mini: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình dạng cấu tạo cong / thẳng.</li> <li>- Chiều dài hàm kẹp 3mm, 4mm, 5mm.</li> <li>- Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip.</li> </ul>                                                                                                                                                                               |          |     |
| 176   | Phụ kiện của dao mổ siêu âm                                             | Bộ dây bơm tiết trùng cho tay dao 36kHz (tiệt trùng sẵn, dùng 1 lần). Tương thích với máy Cusa Excel thuộc sở hữu của bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6        | Bộ  |
| 177   | Phụ kiện của dao mổ siêu âm                                             | Đầu mũi dao 36kHz cỡ nhỏ cong kéo dài, đường kính $\geq 1.57\text{mm}$ , dài tối thiểu 12.15cm, tiết trùng sẵn, dùng 1 lần. Tương thích với máy Cusa Excel thuộc sở hữu của bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6        | Cái |
| 178   | Dây cưa sọ                                                              | Dây cưa sọ não dài khoảng 400mm - 450mm đường kính khoảng 1.2mm đến 1.5mm. Cấu tạo tối thiểu gồm khoảng 5 - 6 dây xoắn lại làm tăng độ bền, mịn, hạn chế mất xương sọ khi cưa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 800      | Cái |
| 179   | Hệ thống nẹp vít phẫu thuật tạo hình cột sống cổ sau                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |     |
| 179.1 | Vít tạo hình bản sống                                                   | Vật liệu Titanium hoặc tương đương. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính từ 2.6mm đến 3.0mm.</li> <li>- Chiều dài từ 5mm đến 11 mm, ít nhất phải có 7mm.</li> <li>- Vít tự taro.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                        | 180      | Cái |
| 179.2 | Nẹp tạo hình bản sống                                                   | Vật liệu Hợp kim Titanium hoặc tương đương. <ul style="list-style-type: none"> <li>Dài từ 8mm đến 14mm (tối thiểu có 8mm, 10mm).</li> <li>Dùng cho phẫu thuật hẹp ống sống cổ lồi sau nhiều tầng.</li> <li>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                        | 60       | Cái |
| 180   | Đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống thắt lưng lồi sau                     | Vật liệu: PEEK hoặc tương đương. <ul style="list-style-type: none"> <li>Có điểm đánh dấu cản quang.</li> <li>Bề mặt trên và dưới có răng cưa.</li> <li>Kích thước: chiều rộng khoảng 10.5mm đến 11mm; chiều dài khoảng 22mm đến 25mm; chiều cao từ 8mm đến 14mm; từ 0 độ đến 5 độ.</li> <li>Bên trong có khoang chứa xương lớn.</li> <li>Đóng gói tiệt trùng sẵn. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul> | 60       | Cái |
| 181   | Hệ thống nẹp vít cố định cột sống ngực thắt lưng 2 bước ren bơm xi măng |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |     |
| 181.1 | Vít đa trục rồng nòng bơm xi măng                                       | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít có hai vùng ren: vùng ren xương xốp phía đầu vít và vùng ren xương cứng phía mũ vít.</li> </ul>                                                                                                                                                                                            | 100      | Cái |

| STT   | Danh mục                                                              | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | Đvt |
|-------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khoảng 4 - 6 lỗ phía đầu vít cho phép xi măng có thể trực tiếp đi qua thân và các lỗ vít giúp cố định vít vững chắc</li> <li>- Đường kính vít: từ 4.5mm đến 8.5mm, bước tăng 1mm.</li> <li>- Chiều dài vít: từ 30-55mm</li> </ul>                                                            |          |     |
| 181.2 | Ốc khóa trong cho vít đơn trực, đa trục hai bước ren                  | Vật liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Tự gây khi vận đủ lực hoặc tương đương.                                                                                                                                                   | 100      | Cái |
| 181.3 | Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Titanium                     | Nẹp dọc cứng đường kính 5.5mm. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>- Vật liệu: Titanium hoặc tương đương.<br>- Dài khoảng 500mm.<br>- Có đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay.                                                                                          | 20       | Cái |
| 182   | <b>Hệ thống nẹp vít phẫu thuật chấn thương cột sống cổ lồng trước</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |          |     |
| 182.1 | Nẹp cột sống cổ lồng trước 1 tầng                                     | Vật liệu titanium hoặc tương đương.<br>Độ dày nẹp từ 2mm đến 2.5mm.<br>Chiều dài nẹp : 20 mm đến 36mm. Tối thiểu có nẹp dài từ 20 mm đến 30mm, chiều dài nẹp có bước tăng 2mm<br>Có khóa vít giúp ngăn vít trượt ra ngoài.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).       | 12       | Cái |
| 182.2 | Nẹp cột sống cổ lồng trước 2 tầng                                     | Vật liệu titanium hoặc tương đương.<br>Độ dày nẹp từ 2mm đến 2.5mm.<br>Chiều dài nẹp : 36mm đến 56mm. Tối thiểu có nẹp dài từ 36mm đến 46mm. Chiều dài nẹp có bước tăng 2mm<br>Có khóa vít giúp ngăn vít trượt ra ngoài.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).         | 5        | Cái |
| 182.3 | Nẹp cột sống cổ lồng trước 3 tầng                                     | Vật liệu titanium hoặc tương đương.<br>Độ dày nẹp từ 2mm đến 2.5mm.<br>Chiều dài nẹp : 56mm đến 76mm. Tối thiểu có nẹp có chiều dài 56mm đến 66mm . Chiều dài nẹp có bước tăng 2mm.<br>Có khóa vít giúp ngăn vít trượt ra ngoài.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 2        | Cái |

| STT   | Danh mục                                                                                       | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 182.4 | Vít cột sống cổ tương thích với nẹp cột sống cổ lõi trước                                      | Vật liệu titanium hoặc tương đương, vít tự taro.<br>Đường kính từ 4.2mm đến 4.6mm; chiều dài từ 12mm đến 18mm. Tối thiểu có vít dài 12mm, 14mm.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                 | 75       | Cái |
| 183   | Điện cực đốt bằng sóng radio cao tần                                                           | Điện cực sử dụng sóng RF dùng cho nội soi cột sống.<br>Dài khoảng 280mm/ 350mm, cáp dài khoảng 3m, chân cắm 2 kim chuẩn quốc tế.<br>Điện cực có khả năng gấp góc đầu xa, xoay được mọi hướng.<br>Đóng gói tiệt trùng sẵn.                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5        | Cái |
| 184   | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy dùng cho nội soi cột sống 2 cổng       | Dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng dùng bên ngoài tủy sống<br>- Đường kính lưỡi đốt 4.0 mm - 4.5 mm, chiều dài thân đốt 133 mm - 140 mm, góc nghiêng lưỡi đốt: 70 / 90°.<br>- Đầu mũi đốt: chất liệu Ceramic hoặc tương đương, có phủ chất chống dính.<br>- Tự động dừng đốt khi đầu đốt tiếp xúc kim loại, thích hợp khi dùng với máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.<br>- Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần.<br>- Tương thích với máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA        | 60       | Cái |
| 185   | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma, đầu lưỡi co rút được dùng cho nội soi cột sống 2 cổng        | Dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng cho cả bên trong và bên ngoài tủy sống<br>- Đường kính đầu đốt 3.0 mm - 3.5 mm. Chiều dài thân đốt 130 mm - 140 mm, chiều dài tay cầm 170mm - 175 mm.<br>- Chất liệu: Stainless Steel / Molybdenum tungsten alloy / Teflon hoặc tương đương<br>- Đầu mũi đốt có thể kéo dài ra để móc, gấp và có thể thu ngắn lại để cắt đốt cầm máu.<br>- Tiệt khuẩn sẵn, sử dụng một lần.<br>- Tương thích với máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA | 5        | Cái |
| 186   | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng | Dùng để cầm máu trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng<br>- Đường kính đầu đốt 2.5 mm - 3mm, chiều dài thân đốt 130 mm - 140 mm. Đầu lưỡi đốt uốn được đến $\geq 28^\circ$ , điều khiển trực tiếp trên tay cầm.<br>- Vật liệu: Stainless Steel / Molybdenum tungsten alloy / Teflon hoặc tương đương<br>Tiệt khuẩn sẵn, sử dụng một lần.<br>- Tương thích với máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA                                                                              | 60       | Cái |

| STT | Danh mục                                                                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng | Đvt |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 187 | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma mũi nhọn dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng    | Dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng<br>- Đường kính đầu đốt 1.5 mm - 1.8 mm, chiều dài làm việc 80 mm - 85 mm.<br>- Vật liệu: Stainless Steel / Molybdenum tungsten alloy / Teflon hoặc tương đương<br>- Tiệt khuẩn sẵn, sử dụng một lần.<br>- Tương thích với máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA                                             | 5        | Cái |
| 188 | Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma mũi móc câu dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng | Dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng<br>- Đường kính đầu đốt 3.5 mm - 4.0 mm, chiều dài làm việc 115mm - 125 mm.<br>- Vật liệu: Stainless Steel / Molybdenum tungsten alloy / Teflon hoặc tương đương<br>- Tiệt khuẩn sẵn, sử dụng một lần.<br>- Tương thích với máy cắt đốt cùng nhà sản xuất.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA                                            | 5        | Cái |
| 189 | Dây bơm nước dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng                                 | Loại dùng một lần cho máy bơm có dải áp lực 10-150mmHg.<br>- Có 2 đầu vào để kết nối vào bình chất lỏng, 1 đầu ra nối với trocar ống soi và 1 đầu ra nối vào hệ thống đo áp suất của máy bơm.<br>- Có 3 kẹp bấm ở đầu vào và đầu ra của dây nước.<br>- Tiệt khuẩn sẵn và đóng gói trong bao bì tiệt khuẩn.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA.                                         | 60       | Cái |
| 190 | Ống chụp mũi mài thẳng mỏng dùng trong nội soi 2 cổng                                      | - Chiều dài ống chụp: 125 mm -135mm<br>- Đường kính ống chụp $\leq 4.8$ mm.<br>- Tương thích với hệ thống khoan mài tốc độ cao, loại mỏng cùng Nhà sản xuất<br>- Sử dụng nhiều lần, dự kiến đến 30 lần hấp sử dụng lại<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA                                                                                                                              | 3        | Cái |
| 191 | Lưỡi mài phá, đầu tròn dùng trong nội soi cột sống 2 cổng                                  | - Đường kính lưỡi mài: 3.2 mm - 3.5 mm<br>- Có thể điều chỉnh chiều dài của mũi mài $\geq 6$ nấc từ 7mm đến 17mm khi lưỡi được lắp vào đầu chụp loại mỏng cùng nhà sản xuất.<br>- Tương thích với ống chụp mũi mài có chiều dài từ 125 mm- 135mm, cùng nhà sản xuất<br>- Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA                                            | 10       | Cái |
| 192 | Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 cổng                | Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 cổng:<br>- Đường kính lưỡi mài: 2, 3, 4, 5mm;<br>- Có thể điều chỉnh chiều dài của mũi mài sau khi lắp vào đầu chụp $\geq 6$ nấc từ 7mm đến 17mm.<br>- Tương thích với ống chụp mũi mài có chiều dài 125 mm - 135mm, cùng nhà sản xuất<br>- Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA. | 60       | Cái |

| STT | Danh mục                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số lượng | Đvt   |
|-----|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
| 193 | Ống soi dùng trong nội soi cột sống 2 công | Ống soi quang học dùng một lần trong nội soi cột sống 2 công<br>- Chiều dài làm việc 140mm 145mm , đường kính 4mm - 4.5 mm, góc nghiêng 30 độ và 90 độ, nặng 50g đến 70g.<br>- Tiết khuẩn, sử dụng một lần<br>- Tiêu chuẩn FDA hoặc CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 10       | Cái   |
| 194 | Xốp cầm máu tự tiêu                        | Xốp cầm máu gelatin giúp kiểm soát chảy máu.<br>- Tốc độ cầm máu: 5 - 10 phút<br>- Thời gian hấp thụ hoàn toàn: từ 3 - 6 tuần.<br>- Khả năng thấm hút gấp từ 40 - 50 lần trọng lượng ban đầu.<br>- Có thể cắt ra để sử dụng phù hợp với nhu cầu sử dụng.<br>- Kích thước: (70x50x10)mm. Không độc hại, không gây dị ứng, không gây sốt.<br>- Tiết trùng và đóng gói từng miếng.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA                                                                                                                                                                                                                      | 3.000    | Miếng |
| 195 | Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu     | - Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu vô trùng, bằng Cellulose oxi hoá tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật. Hàm lượng carboxyl (COOH): 18-24%.<br>- Có tính kháng khuẩn (vi khuẩn gram dương, gram âm (hiếu khí và kỵ khí).<br>Có thể sử dụng trong phẫu thuật thần kinh (đặc biệt là phẫu thuật não).<br>3. Khi tiếp xúc với máu, giải phóng acid glucuronic có mức pH thấp (pH 2-4).<br>4. Tự tiêu sau 7 - 14 ngày.<br>5. Kích thước 5,1cm x 10,2cm.<br>6. Có thể cắt theo kích thước cần dùng hoặc cuộn lại để đưa vào trocar trong phẫu thuật nội soi.<br>7. Tiêu chuẩn CE hoặc FDA           | 500      | Miếng |
| 196 | Vật liệu cầm máu tiết trùng                | Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu vô trùng, bằng Cellulose oxi hoá tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật. Hàm lượng carboxyl (COOH): 18-24%.<br>- Có tính kháng khuẩn (vi khuẩn gram dương, gram âm (hiếu khí và kỵ khí).<br>Có thể sử dụng trong phẫu thuật thần kinh (đặc biệt là phẫu thuật não).<br>- Khi tiếp xúc với máu, giải phóng acid glucuronic có mức pH thấp (pH 2 - 4).<br>- Tự tiêu sau 7-14 ngày.<br>- Kích thước 10cm - 10,5 cm x 20cm - 20,5 cm.<br>- Có thể cắt theo kích thước cần dùng hoặc cuộn lại để đưa vào trocar trong phẫu thuật nội soi.<br>- Tiêu chuẩn CE hoặc FDA | 825      | Miếng |
| 197 | Keo sinh học cầm máu                       | - Keo sinh học cầm máu bao gồm mạng lưới các hạt gelatin từ bò và thrombin từ người liên kết với nhau, dung dịch CaCl <sub>2</sub> , 2 thành phần này đóng vai trò quan trọng, đem lại hiệu quả cầm máu độc lập, dung dịch CaCl <sub>2</sub> không phụ thuộc vào cơ chế cầm máu của cơ thể, và các phụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 84       | Bộ    |

| STT | Danh mục                                                                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Đvt   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
|     |                                                                                            | kiện để thực hiện trộn và bơm thuốc đã trộn vào vị trí cần cầm máu.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc FDA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |       |
| 198 | Ghim kẹp sọ não tự tiêu                                                                    | Vật liệu: Polyester tự tiêu hoặc tương đương.<br>- Không ảnh hưởng tới việc phát triển hộp sọ ở bệnh nhân.<br>- Đóng gói tiệt trùng<br>- Dùng để bít các lỗ khoan sọ hoặc cửa sọ, đặc biệt ở khu vực xương trán.<br>- Không bị nhiễm từ khi chụp MRI<br>- Gồm 1 trục và 2 đĩa nếp<br>- Đường kính; 15mm - 16mm                                                                                                             | 150      | Cái   |
| 199 | Miếng vá màng cứng tự tiêu 4x5cm                                                           | Chất liệu: collagen tinh khiết hoặc tương đương.<br>- Có khả năng phân hủy sau cấy ghép và được thay thế bằng mô liên kết của cơ thể.<br>- Ngăn ngừa rò rỉ dịch não tủy CSF.<br>- Độ bền kéo cao, nên được cố định bằng chỉ khâu không tiêu<br>- Có thể tùy chỉnh theo hình dạng mong muốn.<br>- Kích thước 3,5cm - 4cm x 4,5 cm x 5cm.<br>- Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.                                                   | 20       | Miếng |
| 200 | Miếng vá màng cứng tự tiêu 6x8cm                                                           | Chất liệu: collagen tinh khiết hoặc tương đương.<br>- Có khả năng phân hủy sau cấy ghép và được thay thế bằng mô liên kết của cơ thể.<br>- Ngăn ngừa rò rỉ dịch não tủy CSF.<br>- Độ bền kéo cao. Nên được cố định bằng chỉ khâu không tiêu<br>- Có thể tùy chỉnh theo hình dạng mong muốn<br>- Kích thước 6cm x 8cm<br>- Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.                                                                      | 20       | Miếng |
| 201 | Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu có tính năng đặc biệt                                      | - Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự mềm, 1 mảnh<br>- Chất liệu Acrylic hydrophobic kỵ nước, phi cầu<br>- dải công suất tối thiểu từ 10-30D<br>- Chỉ số khúc xạ $\geq 1.54$<br>- Cung cấp kèm Cartridge và injector<br>- Xuất xứ các nhóm nước G7<br>- Có tối thiểu 1 trong các tính năng đặc biệt sau :<br>+ Đổi màu vàng lọc ánh sáng xanh và tia UV khi gặp ánh mặt trời.<br>+ Kéo dài tiêu cự tăng thị lực trung gian. | 250      | Cái   |
| 202 | Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài hoặc tăng cường dải tiêu cự (EDOF), một mảnh. | 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, kéo dài hoặc tăng cường dải tiêu cự.<br>2. Chất liệu Acrylic copolyme mềm, một mảnh 4 còng có 4 điểm tựa.<br>3. Rìa vuông 360 độ, hấp thụ tia cực tím và lọc ánh sáng xanh có hại.                                                                                                                                                                                                          | 650      | Cái   |

| STT | Danh mục                                                                  | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số lượng | Đvt |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                           | 4. Thiết kế phi cầu, đường kính thấu kính: 5.5 - 6mm, Đường kính tổng: 10.5-11mm.<br>5. Đảm bảo dải công suất tối thiểu từ 0 đến +32D, bước nhảy không quá 0.5D.<br>6. Kính đặt được qua vết mổ: $\leq 2.2\text{mm}$ .<br>7. Lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính.<br>8. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |          |     |
| 203 | Thủy tinh thể 3 tiêu cự                                                   | 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 3 tiêu cự, thiết kế quang học khúc xạ kết hợp nhiều xạ,<br>2. Chất liệu: Chất liệu Acrylic copolyme hỗn hợp giữa ngâm nước và kỵ nước.<br>3. Lọc tia cực tím (UV).<br>5. Thiết kế: 4 còng 4 điểm tựa.<br>6. Đặc điểm: phi cầu, bờ vuông 360.<br>7. Chiều dài thủy tinh thể: 10.5 - 11.5mm.<br>8. Đường kính Optic: 5.5 - 6.0mm<br>9. Dải công suất: tối thiểu trong khoảng từ +6D đến + 32D, bước nhảy $\leq 0.5\text{D}$ .<br>10. Tiêu điểm nhìn gần $\geq +3.00$ ; tiêu điểm nhìn trung gian $\geq +1.65\text{D}$ .<br>11. Đặt được qua vết mổ $\leq 2.2\text{ mm}$ .<br>12. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt.<br>13. Xuất xứ tại châu Âu hoặc G7.                                                                                                                                                                                                                       | 113      | Cái |
| 204 | Thủy tinh thể nhân tạo mềm đa tiêu cự với kỹ thuật EDOF (kéo dài tiêu cự) | 1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm đa tiêu công nghệ khúc xạ hoàn toàn kéo dài tiêu cự<br>2. Chất liệu hỗn hợp giữa vật liệu ngâm nước và vật liệu kỵ nước( Acrylic Hydrophilic/Acrylic Hydrophobic -Copolymer), ngâm nước 25%<br>3. Kích cỡ: Optic $\leq 6\text{mm}$ , tổng chiều dài $\leq 11\text{mm}$<br>4. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Thiết kế một mảnh 4 còng, lọc tia UV. Kỹ thuật kéo dài tiêu cự công nghệ khúc xạ hoàn toàn cung cấp tầm nhìn xa đến trung gian và tầm nhìn gần đến $\leq 33\text{cm}$ .<br>5. Optic phi cầu, bờ vuông 360 độ.<br>6. Chỉ số khúc xạ: $\geq 1.46$<br>7. Chỉ số SA: $-0.18\text{ }\mu\text{m} \leq \text{SA} \leq 0\text{ }\mu\text{m}$<br>8. Dải công suất: Tối thiểu từ 0.0D đến +30D (từ +10D đến +30D mức tăng bước nhảy $\leq +0.5\text{D}$ )<br>9. Thủy tinh thể lắp sẵn trong Cartridge và Injector, đặt được qua vết mổ đường kính $\leq 2.2\text{mm}$ .<br>10. Xuất xứ EU. | 150      | Cái |
| 205 | Chất nhầy phân tán dùng trong phẫu thuật phaco                            | Chất nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa, thể tích $\geq 2\text{ml}$<br>Thành phần HPMC 2%<br>Trọng lượng phân tử $\geq 88.000\text{ Dalton}$<br>Xuất Xứ G7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 900      | Cái |

| STT | Danh mục                                                                | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
| 206 | Chất nhầy kết dính dùng trong phẫu thuật phaco                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất nhầy gốc Hyaluronate hàm lượng 1.6%</li> <li>- Nồng độ: 14.4-17.6 mg/ml</li> <li>- Dung tích <math>\geq 1.1</math> ml</li> <li>- Độ nhớt <math>\geq 400.000</math> mPas</li> <li>- Độ PH: 6.8 – 7.6</li> <li>- Trọng lượng phân tử khoảng: 3.000.000 Dalton</li> <li>- Độ thẩm thấu 300 – 350 mOSm/kg</li> <li>- Điều kiện bảo quản: 2 – 25 độ</li> <li>- Tiệt trùng.</li> <li>- Kim <math>\leq 27G</math></li> </ul> | 900      | ống   |
| 207 | Dao mổ phaco đường chính                                                | Lưỡi dao làm bằng thép y tế không gỉ, tay cầm nhựa, đủ kích thước: 2.2mm, 2.4mm, 2.8mm; lưỡi bẻ góc, 1 mặt vát. Có nắp an toàn bảo vệ. Tiêu chuẩn CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1.800    | Cái   |
| 208 | Dao mổ phaco đường phụ                                                  | Dao mổ phaco 15 độ, làm bằng thép y tế không gỉ, lưỡi dao thẳng, 1 mặt vát, Có nắp an toàn bảo vệ. Tiêu chuẩn CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1.800    | Cái   |
| 209 | Thuốc nhuộm bao thủy tinh thể trong mổ phaco                            | Thành phần có trypan blue 0.06% kết hợp với Natri chlorid và dung dịch đệm, giúp quan sát xé bao thủy tinh thể với thủy tinh thể bị đục hoặc mắt có đồng tử hẹp, đường viền quanh vùng xé bao luôn rõ nét khi phẫu thuật, giảm thiểu nguy hại khi chưa hoàn thành xé bao, đóng gói trong lọ vô khuẩn,<br>Dung tích 1 ml.<br>Đạt tiêu chuẩn Châu Âu                                                                                                                  | 260      | Lọ    |
| 210 | Ống silicone dùng trong phẫu thuật nối thông túi lệ - mũi.              | Ống dây chất liệu silicon y tế, 2 đầu có điểm lệ và dụng cụ kéo Probe cỡ 23 g , chiều dài ống silicon cỡ 14" , .025 " O.D/ .012" I.D<br>Đã tiệt trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 40       | Cái   |
| 211 | Ống silicone dùng trong phẫu thuật nối lệ quản và điều trị hẹp điểm lệ. | Dây silicon nối lệ quản bị đứt do chấn thương và điều trị hẹp điểm lệ<br>- Thông số kỹ thuật:<br>Chiều dài silicon $\geq 40$ mm<br>Đường kính silicon 0.63mm - 0.64 mm, Có nút cố định ở lỗ lệ quản, đường kính nút cố định $\geq 2$ mm                                                                                                                                                                                                                             | 200      | Sợi   |
| 212 | Nẹp và sàn ổ mắt loại nhỏ                                               | Chất liệu titan nguyên chất, cỡ 1.5mm, dày khoảng 0.3mm, có 3 cánh nẹp, mỗi cánh có 4 lỗ, tương thích hệ thống vít 1.5mm chống long cỡ 1.5mm-1.65mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 60       | Cái   |
| 213 | Miếng dán mi                                                            | Miếng dán mi phẫu thuật mắt vô trùng. Kích thước: chiều ngang từ 6-10cm, chiều dài từ 10-12cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.200    | Miếng |
| 214 | Chỉ khâu không tiêu số 9                                                | Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 9, không tiêu, kim, Đường kính cỡ 0.15mm, Chiều dài cỡ 6.0m, kiểu cong 3/8 đường tròn 140°                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100      | Sợi   |

| STT | Danh mục                                                                       | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng | Đvt |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                                | Chiều dài chỉ: 25 - 30cm<br>Đạt tiêu chuẩn Châu Âu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |          |     |
| 215 | Ống dẫn lưu không van điều trị glaucoma                                        | Ống dẫn lưu thủy dịch mềm không có hệ thống van tích hợp: tương thích MRI và đảm bảo vô khuẩn<br>Chất liệu silicone<br>Đạt tiêu chuẩn CE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 10       | Cái |
| 216 | Lưỡi dao lấy da bằng tay                                                       | Ghép da tự thân, cắt lọc tiếp tuyến hoại tử bông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 100      | Cái |
| 217 | Lưỡi dao lấy da bằng máy                                                       | Ghép da tự thân diện tích lớn. Tương thích với máy bào da hãng Zimer                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 50       | Cái |
| 218 | Thót đỡ da 1:1.5                                                               | Ghép da mắc lưới cỡ 1:1.5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 30       | Cái |
| 219 | Thót đỡ da 1:3                                                                 | Ghép da mắc lưới cỡ 1:3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 20       | Cái |
| 220 | Vật liệu sử dụng trong điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ S | Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm:<br>- 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane hoặc tương đương dạng tổ ong, chịu được áp lực âm 250mmHg đến 350mmHg, kích thước khoảng 08-10 x 15 x 1cm.<br>- 01 Miếng lót với Ống hút bằng polyvinyl hoặc tương đương có 4-6 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3-5 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, có 01 kẹp đường ống, 01 đầu nối có chốt khóa đóng mở<br>- 01 miếng bọc phẫu thuật.<br>- 02 - 03 màng bọc vết thương dạng film, kích thước (dài) 10-20cm x (rộng) 25-30cm.<br>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).    | 75       | Bộ  |
| 221 | Vật liệu sử dụng trong điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ M | Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm:<br>- 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane hoặc tương đương dạng tổ ong, chịu được áp lực âm 250mmHg đến 350mmHg, kích thước khoảng 10-14 x 15 x 3cm.<br>- 01 Miếng lót với Ống hút bằng polyvinyl hoặc tương đương có 4-6 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3-5 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, có 01 kẹp đường ống, 01 đầu nối có chốt khóa đóng mở.<br>- 01 miếng bọc phẫu thuật.<br>- 02 - 03 màng bọc vết thương dạng film, kích thước (dài) 10-20cm x (rộng) 25 - 30cm.<br>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 75       | Bộ  |
| 222 | Vật liệu sử dụng trong điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ L | Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm:<br>- 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane hoặc tương đương dạng tổ ong, chịu được áp lực âm 250mmHg đến 350mmHg, kích thước khoảng 20-25 x 15 x 3cm.<br>- 01 Miếng lót với Ống hút bằng polyvinyl hoặc tương đương có 4-6 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3-5 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, có 01 kẹp đường                                                                                                                                                                                                                                                            | 30       | Bộ  |

| STT | Danh mục                                                                                              | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng | Đvt |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                                                       | <p>ống, 01 đầu nối có chốt khóa đóng mở</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 miếng bọc phẫu thuật.</li> <li>- 02 - 03 màng bọc vết thương dạng film, kích thước (dài) 10 - 20cm x (rộng) 25 - 30cm .</li> <li>- Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |          |     |
| 223 | Túi (bình) chứa dịch thải và dây nối sử dụng trong điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm | Túi (bình) chứa dịch thải dùng cho máy hút áp lực âm, bằng nhựa Vinyl hoặc tương đương, với tấm đỡ bằng polyethylene hoặc tương đương, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống, Có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông, cảm biến báo khi dịch đầy. Kích thước : 250ml đến 1000ml. Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 170      | Cái |
| 224 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng                                                                  | <ol style="list-style-type: none"> <li>Ổ cối hợp kim titanium (Ti6Al4V): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có lớp cấu trúc tổ ong dày khoảng <math>\geq 160\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Phủ ngoài lớp HA hoặc Calcium Phosphate có độ dày <math>\geq 15\mu\text{m}</math>, hỗ trợ ít nhất từ 3 lỗ bắt vít trở lên.</li> <li>- Có ít nhất 16 size khác nhau từ 42-72mm.</li> </ul> </li> <li>Lớp lót bằng nhựa siêu bền (crosslink UHMWPE) hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bờ chống trật 5-7mm, có chốt định tâm tấm lót.</li> <li>- Có vòng khóa bằng hợp kim titanium Ti6Al4V tăng khả năng cố định.</li> </ul> </li> <li>Đầu xương đùi bằng hợp kim Cobalt Chrome Molybdenum (CoCrMo) hoặc tương đương :<br/>Kích cỡ: 28mm - 32-mm- 36mm, có tùy chỉnh tăng giảm.</li> <li>Cuồng xương đùi chất liệu hợp kim Titanium (Ti6Al4V) hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có các rãnh chống xoay chống lún, bên ngoài phủ lớp HA hoặc HX Calcium Phosphate hoặc tương đương có độ dày <math>\geq 14\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Có từ trên 16 kích cỡ khác nhau</li> <li>- Thân cong theo giải phẫu, phải trái khác nhau</li> <li>- Góc cổ chuôi nghiêng trước 4-6 độ hoặc cổ rời để ứng dụng trong kỹ thuật SuperPath.</li> </ul> </li> <li>Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm, tương thích với lỗ bắt vít ổ cối.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>Xuất xứ G7 hoặc các nước EU</li> </ol> | 36       | Bộ  |
| 225 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on PE                                                   | <ol style="list-style-type: none"> <li>Ổ cối chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thiết kế kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày <math>\geq 160\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Phủ ngoài lớp HA hoặc tương đương dày khoảng <math>\geq 60\mu\text{m}</math>, hỗ trợ ít nhất 3 lỗ bắt vít.</li> <li>- Có ít nhất 16 size từ 42-72mm.</li> </ul> </li> <li>Lớp lót bằng X-Linked nhựa siêu bền (crosslink UHMWPE) hoặc tương đương:</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 60       | Bộ  |

| STT | Danh mục                                                 | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số lượng | Đvt |
|-----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bờ chống trật 5-7mm, chốt định tâm.</li> <li>- Có vòng khóa bằng hợp kim titanium Ti6Al4V tăng khả năng cố định.</li> <li>3. Đầu xương đùi chất liệu bằng gốm (ceramic):<br/>Kích cỡ: đủ các kích cỡ 28mm - 32mm- 36mm- 40mm., có lõi tuỷ chỉnh tăng giảm.</li> <li>4. Cuồng xương đùi chất liệu hợp kim Tilastan-S (Ti6Al4V) hoặc tương đương :<br/>- Có các rãnh chống xoay chống lún, bên ngoài phủ lớp HX Calcium Phosphate hoặc tương đương dày <math>\geq 14\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Có từ trên 16 kích cỡ khác nhau, với bước nhảy thấp 0.5-1.5mm.</li> <li>- Thân cong phải trái khác nhau</li> <li>- Góc cổ chuôi nghiêng trước 4-6 độ hoặc cổ rời để ứng dụng trong kỹ thuật SuperPath.</li> <li>5. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm, tương thích với lỗ bắt vít ổ cối.</li> <li>6. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>7. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</li> </ul>                                                                                                                                                                        |          |     |
| 226 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Ceramic | <ol style="list-style-type: none"> <li>Ổ cối làm bằng hợp kim Titanium (Ti6Al4V):<br/>- Thiết kế kết hợp lớp cấu trúc tổ ong dày <math>\geq 160\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Phủ ngoài bằng lớp HA dày <math>\geq 50\mu\text{m}</math>, hỗ trợ ít nhất 3 lỗ bắt vít.</li> <li>- Có ít nhất <math>\geq 16</math> size từ 42-72mm.</li> <li>2. Lớp lót bằng gốm ceramic (delta ceramic).</li> <li>3. Đầu xương đùi bằng gốm (ceramic):<br/>- Kích cỡ: 28mm - 36 mm.</li> <li>- Có lõi tuỷ chỉnh tăng giảm.</li> <li>4. Cuồng xương đùi chất liệu hợp kim Tilastan-S (Ti6Al4V) hoặc tương đương :<br/>- Có các rãnh chống xoay chống lún, bên ngoài phủ lớp HX Calcium Phosphate dày <math>\geq 14\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Có từ trên 16 kích cỡ khác nhau, với bước nhảy thấp 0.5-1.5mm.</li> <li>- Thân cong phải trái khác nhau, góc cổ chuôi nghiêng trước 4-6 độ hoặc cổ rời để ứng dụng trong kỹ thuật SuperPath</li> <li>5. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có chiều dài từ 15-50mm, tương thích với lỗ bắt vít ổ cối.</li> <li>6. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>7. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</li> </ol> | 60       | Bộ  |
| 227 | Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài            | <ol style="list-style-type: none"> <li>Cuồng khớp loại dài :<br/>- Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI hoặc tương đương.</li> <li>- Phủ kép hai lớp gồm: lớp hạt titanium dạng xốp và lớp HA toàn bộ chuôi.</li> <li>- Có đầy đủ các cỡ đường kính từ 10 - 16mm, chiều dài từ 190 - 340mm.</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 85       | Bộ  |

| STT | Danh mục                                    | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số lượng | Đvt |
|-----|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế cuống khớp cong cho chân trái riêng và chân phải riêng. Đầu trên chuỗi có các lỗ để bắt chỉ thép cố định xương.</li> <li>2. Ổ cối bán phần (Vỏ đầu chỏm + lót đầu chỏm):</li> <li>- Vỏ đầu chất liệu thép không gỉ, có đường kính đầy đủ các cỡ từ. 38 đến 62 mm, bước nhảy 1mm</li> <li>- Lót đầu chỏm Vật liệu : Polyethylene hoặc UHMWPE hoặc tương đương.</li> <li>3. Chỏm khớp: có các cỡ: nhỏ, trung bình và lớn.</li> <li>4. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>5. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</li> </ul>                                                                                                                                              |          |     |
| 228 | Bộ khớp háng bán phần có xi măng chuỗi ngắn | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Cuống xương đùi (stem):</li> <li>- Vật liệu: Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) hoặc tương đương.</li> <li>- Có ít nhất 10 kích cỡ lớn nhỏ, bước nhảy 1mm.</li> <li>2. Đầu xương đùi (Femoral Head): Chất liệu CoCrMo hoặc tương đương</li> <li>- Kích cỡ (Size): có 4 cỡ (S-M-L-XL).</li> <li>- Vòng khóa khép kín chống trật khớp</li> <li>3. Đầu lưỡnng cực (Chỏm): Có đầy đủ các cỡ đường kính từ 41 - 57mm, bước nhảy 1mm.</li> <li>- Chất liệu : CoCrMo + UHMWPE hoặc tương đương nằm cố định với khóa chống trật đầu xương đùi.</li> <li>4. Xi măng kháng sinh với Gentamicine.</li> <li>5. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>6. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU</li> </ul> | 5        | Bộ  |
| 229 | Bộ khớp vai bán phần có xi măng             | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Chuôi cánh tay có xi măng</li> <li>- Vật liệu : (Ti6Al4V)</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn</li> <li>2. Đầu cánh tay :</li> <li>- Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> <li>3. Chỏm:</li> <li>- Cấu tạo hợp kim CoCrMo với giá đỡ khoá chất liệu Titan đường kính từ 38 - 54mm.</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> <li>4. Xi măng kháng sinh với Gentamicine.</li> <li>5. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn</li> </ul>                                                                                                                                                                | 20       | Bộ  |

| STT | Danh mục                                             | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng | Đvt |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                      | Châu Âu).<br>6. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |          |     |
| 230 | Bộ khớp vai toàn phần không xi măng loại đảo ngược   | <p>1. Chuôi cánh tay không xi măng</p> <p>- Vật liệu : (Ti6Al4V) với dài từ 60- 80 mm, đường kính 11 -&gt; 18mm.</p> <p>- Đóng gói tiệt trùng sẵn</p> <p>2. Đầu cánh tay :</p> <p>- Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá</p> <p>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</p> <p>3. Ổ chảo :</p> <p>- Cấu tạo bởi chỏm khớp : hợp kim Ti6Al4V + PoroTi phủ HA, bên trong chỏm cấu tạo bởi chất liệu với 2 loại: CoCrMo và Ti6Al4V</p> <p>Phần ổ chảo : Polyethylene cao phân tử (UHMWPE)/ thép không gỉ</p> <p>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</p> <p>4. Vít xương: chất liệu Titan (Ti6Al4V) đường kính 6.5mm dài 20- 40mm.</p> <p>5. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> <p>6. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2        | Bộ  |
| 231 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi | <p>1. Đầu xương đùi (chỏm): Chỏm và lớp đệm được đóng thành 1 khối; chỏm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép. Chất liệu: Thép không gỉ, đường kính 22-28mm; có các cỡ bù cộng trừ</p> <p>2. Lớp đệm: Vật liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE). kích cỡ từ 44-60</p> <p>3. Ổ cối: Phủ 2 lớp gồm: Lớp Titanium xốp <math>\geq 120\mu\text{m}</math> và Lớp Hydroxyapatite <math>\geq 80\mu\text{m}</math>, có tối thiểu 10 đỉnh cố định chống xoay và chống lật. Bề mặt bên trong được đánh bóng cao. Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum. Đầy đủ các kích cỡ: 44-60 mm</p> <p>4. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 125-135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium 6 - Aluminium 4 - Vanadium (TA6V Alloy), Phủ 2 lớp gồm: Lớp Titanium xốp có kích thước từ <math>100\mu\text{m}</math> đến <math>\geq 120\mu\text{m}</math>. Và Lớp Hydroxyapatite có kích thước từ <math>\geq 80\mu\text{m}</math>. Kích thước chiều dài từ 130mm- 170mm, nhiều đường kích khác nhau, bước nhảy thấp, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay.</p> <p>5. Đạt tiêu chuẩn CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> <p>6. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</p> | 150      | Bộ  |
| 232 | Bộ khớp gối toàn phần có xi măng có trục xoay trong  | <p>Sử dụng cho phương pháp phẫu thuật ít cắt xương, không cắt rộng hố gian lồi cầu đùi, hoạt động theo cơ chế có trục bên trong, gấp duỗi lăn trượt và xoay quanh trụ ở phía bên trong</p> <p>1. Lồi cầu lăn trên lớp đệm như gối tự nhiên (ball in socket). Chuyển động xoay sâu 1 góc 12- 15 độ. Độ gấp gối <math>\geq 140</math> độ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 57       | Bộ  |

| STT | Danh mục                                                               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số lượng | Đvt |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- có từ <math>\geq 3</math> cỡ lõi cầu đùi</li> <li>- Độ rộng mặt trên (A/P): từ 59- 80mm</li> <li>- Độ dài mặt trên (M/L): từ 51- 76mm</li> <li>2. Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome/ Titanium Alloy bề mặt nhám tạo độ kết dính với xi măng và xương. Mâm chày phải cho chân phải và trái cho chân trái.</li> <li>- Có từ <math>\geq 3</math> kích cỡ trở lên</li> <li>3. Lớp đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử có từ <math>\geq 3</math> cỡ, độ dày từ 10 - 24mm.</li> <li>4. Bánh chèo: Chất liệu Polyethylene cao phân tử. Có từ <math>\geq 3</math> kích cỡ</li> <li>5. Xi măng: Đóng gói tiệt trùng kèm dung dịch</li> <li>6. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>7. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</li> </ul>                                                                                                                                                                              |          |     |
| 233 | Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi ngắn                         | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuống xương đùi (Stem): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ: <math>\geq 7</math> kích cỡ lớn nhỏ khác nhau, chiều dài tương ứng trong khoảng 110mm - 180mm.</li> <li>- Vật liệu: anodized TA6V, taper 10/12 hoặc 12/14, phủ <math>\geq 80\mu\text{m}</math> Hydroxyapatite toàn thân (HAP).</li> <li>- Thân chuỗi có các rãnh dọc chống xoay, mặt cắt thân chuỗi hình bầu dục hoặc hình tròn</li> <li>- Góc cổ chuỗi (Neck Angle): 135 - 140 độ.</li> </ul> </li> <li>2. Đầu xương đùi (Femoral Head): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim M30NW hoặc tương đương, kích cỡ 22mm - 28mm.</li> </ul> </li> <li>3. Chòm xương đùi + lớp đệm polyethylene UHMWPE hoặc tương đương kèm khóa chống trật đầu xương đùi, với đầy đủ các size: từ 40mm - 58mm. bước nhảy 2mm</li> <li>4. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>5. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</li> </ol> | 125      | Bộ  |
| 234 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, bảo tồn xương | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuống xương đùi : có nhiều kích cỡ từ nhỏ đến lớn, tối thiểu <math>\geq 12</math> kích cỡ có bước nhảy thấp, chiều dài từ 100mm-220mm <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân chuỗi có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Taper 12/14.</li> <li>- Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, phủ 2 lớp T40 titanium toàn thân <math>\geq 200\mu\text{m}</math> và Calcium Hydroxyapatite toàn thân (HAP) <math>\geq 100\mu\text{m}</math></li> </ul> </li> <li>2. Đầu xương đùi: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Alumina/Zirconium Composite Ceramic, kích thước lớn chống trật từ 32mm - 36mm.</li> </ul> </li> <li>3. Ổ cối : Chất liệu: TA6V Titanium Alloy, phủ T40 (400<math>\mu\text{m}</math> - 600<math>\mu\text{m}</math>) và HAP (<math>\geq 80\mu\text{m}</math>).</li> <li>- Có tối thiểu 4 lỗ bắt vít ổ cối.</li> </ol>                                                                                                          | 100      | Bộ  |

| STT | Danh mục                                                                 | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | Đvt |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ: nhiều cỡ từ 48 - 64mm.</li> <li>4. Lớp đệm : chất liệu Alumina và Zirconia ceramic, kích thước bên trong lòng tương đồng với chỏm từ 32-36mm</li> <li>5. Vít cố định ổ cối:</li> <li>- Chất liệu Titanium, đường kính vít tương đồng với lỗ vít ổ cối, nhiều chiều dài khác nhau.</li> <li>6. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>7. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |          |     |
| 235 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, bảo tồn xương      | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Cuống xương đùi: Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, phủ 2 lớp T40 titanium toàn thân <math>\geq 200\mu\text{m}</math> và Calcium Hydroxyapatite toàn thân (HAP) <math>\geq 100\mu\text{m}</math>, thân chuôi có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Taper 12/14. Có nhiều Kích thước <math>\geq 12</math> kích cỡ với bước nhảy thấp, dài 100-220mm, góc cổ chuôi phổ biến từ 125- 135°</li> <li>2. Đầu xương đùi: Chất liệu: Alumina/Zirconium Composite Ceramic, kích thước lớn chống trật từ 32mm - 36mm, có nhiều bước bù cộng trừ</li> <li>3. Ổ cối: Chất liệu: TA6V Titanium Alloy, phủ T40 (400<math>\mu\text{m}</math> - 600<math>\mu\text{m}</math>) và HAP <math>\geq 80\mu\text{m}</math>.<br/>+ Có tối thiểu 4 lỗ bắt vít ổ cối</li> <li>4. Lớp đệm: Chất liệu lớp đệm: Polyethylene được trộn với Vitamine E.<br/>+ Kích thước của lớp đệm tương thích với chỏm từ 32mm và 36mm.</li> <li>5. Vít ổ cối : tự taro<br/>Chất liệu titanium TA6V, tương thích với lỗ vít ổ cối, chiều dài vít nhiều cỡ từ 20-50mm.</li> <li>6. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> <li>7. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</li> </ul> | 80       | Bộ  |
| 236 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, thiết kế bảo tồn xương Metal on PE | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Cuống xương đùi: Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, phủ 2 lớp T40 titanium toàn thân <math>\geq 200\mu\text{m}</math> và Calcium Hydroxyapatite toàn thân (HAP) <math>\geq 100\mu\text{m}</math>, thân chuôi có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Taper 12/14. Có nhiều kích thước: <math>\geq 12</math> kích cỡ từ nhỏ đến lớn với bước nhảy thấp. Chiều dài từ 100mm - 220mm. Góc cổ chuôi phổ biến từ 125- 135°.</li> <li>2. Đầu xương đùi: Chất liệu Co-Cr, kích thước lớn chống trật chống mòn từ 32mm - 36mm, có đầy đủ các loại bù cộng trừ</li> <li>3. Ổ cối: Chất liệu: TA6V Titanium Alloy, phủ T40 (400<math>\mu\text{m}</math> - 600<math>\mu\text{m}</math>) và HAP <math>\geq 80\mu\text{m}</math>, có tối thiểu 4 lỗ bắt vít. Kích cỡ: từ 46-62mm.</li> <li>4. Lớp đệm : Chất liệu Polyethylene được trộn với Vitamine E. Đường kính trong của lớp đệm 32mm - 36mm tương thích với chỏm</li> <li>5. Vít ổ cối : Chất liệu titanium TA6V, vít dài từ 20-50mm , tương thích với lỗ bắt vít ổ cối.</li> <li>6. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn</li> </ul>                                                               | 20       | Bộ  |

| STT | Danh mục                                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số lượng | Đvt |
|-----|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                            | Châu Âu).<br>7. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |          |     |
| 237 | Bộ khớp háng thay lại toàn phần không xi măng, dạng mô đun | Kiểu phẫu thuật : thay lại lần 2 (Revision).<br>1. Cuồng xương đùi (Stem): Cổ xương đùi dạng mô đun, tùy chỉnh 360 độ. Vật liệu: Titanium Alloy. Chuôi :có thiết kế chống xoay , có đủ các kích cỡ đường kính 11 - 29mm, bước nhảy 1mm, không dùng xi măng.<br>2. Chòm (femoral head) :<br>- Vật liệu : gồm Ceramic BioloX Delta<br>- Đường kính đầu (head) từ 28mm - 32mm<br>3.Ổ cối (Shell) :<br>- Ổ cối : dạng mô đun, tùy chỉnh xoay, kích cỡ: 48 - 64mm<br>- Vỏ ổ cối chất liệu titan, cấu tạo dạng mô đun, đa tầng, không xi măng có đai, móc, có nhiều lỗ bắt vít vào vòm bờ ổ cối và xương cánh chậu, sử dụng vít khoá và vít trơn.<br>4. Lớp đệm (Liner) :<br>- Vật liệu : Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) hoặc tương đương, có gờ chống trật 0-20 độ.<br>5. Vít:<br>- Kích thước từ 15 - 100mm.<br>6. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).<br>7. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU. | 3        | Bộ  |
| 238 | Bộ khớp gối toàn phần thay lại                             | 1. Xương đùi bản lề (Femoral Component):<br>- Chất liệu: CoCrMo hoặc tương đương.<br>- Cấu tạo tương thích giải phẫu học. Có 04 cỡ lõi cầu đùi phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (x-small, small, medium, large).<br>- Có bản lề kết nối với mâm chày.<br>- Kết hợp với chuôi dài: Chất liệu CoCrMo hoặc tương đương. Dài nhiều cỡ từ: 50-220mm.<br>2. Mâm chày có chốt bản lề (Tibial Component):<br>- Chất liệu: CoCrMo hoặc tương đương<br>- Kiểu xoay lúc gấp và khóa xoay lúc duỗi tối đa.<br>- Có 04 cỡ mâm chày phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (x-small, small, medium, large). Có chốt cố định bản lề liên kết với lõi cầu.<br>- Kết hợp với chuôi dài: Chất liệu CoCrMo hoặc tương đương. Dài nhiều cỡ từ: 50-220mm.<br>Phần insert mâm chày (PE Articular Surfaces): Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) khóa xoay, có vít cố định với mâm chày.<br>3. Đệm cho lõi cầu (Femoral Segments) có 2 loại:                              | 1        | Bộ  |

| STT | Danh mục                                             | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Đvt |
|-----|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng chất liệu Tilastan-S (Ti6Al4V) hoặc tương đương các cỡ: x-smal, small, medium, large.</li> <li>- Bảng chất liệu X-LINKed nhựa siêu bền (UHMWPE) hoặc tương đương các cỡ: x-smal, small, medium, large.</li> </ul> <p>4. Đệm cho mâm chày (Tibial Spacers) có 2 loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng chất liệu Tilastan-S (Ti6Al4V) hoặc tương đương các cỡ: x-small 5,10,10mm, small 5,10,15mm, medium 5,10,15mm, large 5,10,15mm.</li> <li>- Bảng chất liệu X-LINKed nhựa siêu bền (UHMWPE) hoặc tương đương các cỡ: x-small 5,10,10mm, small 5,10,15mm, medium 5,10,15mm, large 5,10,15mm.</li> </ul> <p>5. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p> <p>6. Xuất xứ G7 hoặc các nước EU.</p> |          |     |
| 239 | Lưỡi bào khớp các cỡ                                 | <p>Lưỡi nạo nội soi tương thích với tay nạo của máy bào ổ khớp (cung cấp kèm với tay cầm và máy điều khiển).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưỡi bào khớp có đường kính 2.0mm-6mm, vận tốc tối đa <math>\geq 8000</math> vòng/phút, chiều dài # 12-15cm.</li> <li>- Dùng để bào, cắt lọc mô xơ, rỗng lòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt.</li> </ul> <p>Chất liệu làm bằng thép không gỉ.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 300      | Cái |
| 240 | Vít treo cố định dây chằng chéo điều chỉnh chiều dài | <p>Chất liệu: Nút Titanium được kết nối với vòng polyethylene. Cấu trúc chỉ khâu có thể rút ngắn đường kính vòng treo và khoá nút một chiều để cố định. Cho phép kéo căng gân ghép sau khi đã cố định. Yêu cầu cung cấp kèm theo thiết bị ngắm định vị khoan đường hầm, kéo mảnh ghép, và các thiết bị cầm tay tương thích khác.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 640      | Cái |
| 241 | Vít chỉ khâu chóp xoay khớp vai                      | <p>Vít chỉ khâu chóp xoay khớp vai:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu 96L/4D PLA hoặc tương đương.</li> <li>- Neo kèm 2 sợi chỉ siêu bền số 2.</li> <li>- Kích thước neo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính 5.0-6.5mm</li> <li>+ Chiều dài vít 15 - 17mm</li> </ul> </li> <li>- Vít tự taro.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 135      | Cái |
| 242 | Vít chỉ khâu sụn chêm                                | <p>Vít chỉ khâu sụn chêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vít neo làm bằng PEEK hoặc tương đương.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 36       | Cái |

| STT | Danh mục                                           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số lượng | Đvt |
|-----|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ siêu bền UHMWPE.</li> <li>- Chỉ khâu không thắt nút, khâu được nhiều mũi liên tiếp trong một lần.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |     |
| 243 | Vít chỉ neo khớp vai khâu sụn viền                 | <p>Vít chỉ neo khớp vai khâu sụn viền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu Peek hoặc tương đương.</li> <li>- Neo kèm 1 sợi chỉ siêu bền số 2 hoặc 2 sợi siêu bền số 0 hoặc số 1.</li> <li>- Chiều dài vít 9-11mm.</li> <li>- Đường kính 2-3mm.</li> <li>- Chiều dài chỉ đi kèm <math>\geq 35</math>inch, độ bền kéo ra đạt <math>\geq 200</math>N.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 105      | Cái |
| 244 | Đầu đốt bằng sóng Radio frequency (dao RF), các cỡ | <p>Đầu đốt bằng sóng Radio frequency (dao RF):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi kèm với máy cắt đốt tần Số sóng vô tuyến (cung cấp kèm theo bộ điều khiển)</li> <li>- Có đầy đủ 2 loại đầu cong 50 và 90 độ, đầu đốt tích hợp đầu hút dịch và khí.</li> <li>- Chiều dài làm việc <math>\geq 13</math>cm.</li> <li>- Đầu đốt có chức năng phát hiện các vật có trở kháng thấp như ống soi. Đầu đốt sẽ tự động dừng cho đến khi cách ống soi một khoảng cách an toàn.</li> <li>- Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio frequency.</li> <li>- Đầu đốt cao tần Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp.</li> <li>- Có chức năng theo dõi nhiệt độ thực tại khớp làm việc.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul> | 110      | Cái |
| 245 | Mũi khoan ngược                                    | <p>Mũi khoan nội soi kỹ thuật tất cả bên trong, dùng cho phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ.</li> <li>- Kích thước: đường kính đủ cỡ từ 6.0/ 6.5/ 7.0/ 7.5/ 8.0/ 8.5/ 9.0/ 9.5/ 10/ 11/ 12mm.</li> <li>- Chiều dài trục <math>\geq 230</math>mm.</li> </ul> <p>Thay đổi từ mũi khoan thẳng sang mũi khoan lùi ngay trên đầu mũi khoan (hoặc tương đương).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  | 250      | Cái |
| 246 | Trocar dùng trong nội soi khớp vai                 | <p>Có 3 loại Trocar</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại đường kính 8.0mm: dài 80-85mm, ống thông kết hợp trơn và tạo ren, có hệ thống khoá kép, van khoá.</li> <li>- Loại đường kính 6.0mm: dài 50-90mm, có hệ thống khoá kép, có ống thoát nước, kèm theo nòng dẫn đường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 18       | Cái |

| STT   | Danh mục                                   | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số lượng | Đvt |
|-------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại đường kính 5.5mm: dài 65-70mm, tích hợp khoá kép.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |          |     |
| 247   | Vít xương cố định mảnh ghép gân cơ         | <p>Vật liệu sinh học tự tiêu tuần hoàn PLGA hoặc tương đương.</p> <p>Có tính năng tự khoá, giãn nở đường kính <math>\geq 1\%</math> sau khi cố định</p> <p>Đường kính đầy đủ từ 4- 10mm, bước tăng 1mm. Dài từ 10- 33cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                     | 20       | Cái |
| 248   | Dây dẫn nước dùng cho nội soi chạy máy     | <p>Dây dẫn nước có hai đầu nước vào và một đầu ra , dây có 3 khóa.</p> <p>Chiều dài: <math>\geq 4.9\text{m}</math>, trong đó chiều dài dây dẫn về phía bệnh nhân <math>\geq 3.4\text{m}</math> và chiều dài dây dẫn về phía túi dịch <math>\geq 1.4\text{m}</math></p> <p>Cung cấp kèm theo máy bơm nước có hiển thị áp lực bơm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                             | 405      | Cái |
| 249   | Chỉ khâu gân siêu bền                      | <p>Chỉ được làm từ vật liệu cao phân tử (UHMWPE), siêu bền, dùng trong khâu mảnh ghép gân xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ : <math>\geq 90\text{cm}</math>.</li> <li>- Chịu lực kéo thẳng <math>\geq 345\text{N}</math>, lực kéo nút thắt <math>\geq 167\text{N}</math>.</li> <li>- Kim đâm xuyên tối ưu và giảm tổn thương mô. Dài <math>\geq 26\text{mm}</math>, độ cong 1/2</li> <li>- Tiết trùng</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul> | 430      | Sợi |
| 250   | Bộ định nội tủy rộng nòng xương đùi các cỡ |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |     |
| 250.1 | Định nội tủy rộng nòng xương đùi các cỡ    | <p>Định nội tủy xương đùi rộng nòng có chốt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.</li> <li>- Gồm các loại đường kính từ 9-12mm, chiều dài từ 320mm đến 440mm.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                  | 100      | Cái |
| 250.2 | Vít khóa tái tạo định nội tủy              | <p>Vít khóa tái tạo định nội tủy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.</li> <li>- Chiều dài 65 - 125mm, có đường kính tương thích với lỗ trên định.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                            | 200      | Cái |

| STT   | Danh mục                                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Đvt |
|-------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 250.3 | Vít khóa đỉnh                                                | Vít khóa đỉnh:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Có nhiều chiều dài khác nhau, có đường kính tương thích với lỗ đỉnh.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                    | 200      | Cái |
| 251   | Bộ đỉnh nội tủy rỗng nòng xương chày các cỡ                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |     |
| 251.1 | Đỉnh nội tủy rỗng nòng xương chày các cỡ, chất liệu titanium | Đỉnh nội tủy xương chày rỗng nòng có chốt:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Gồm các loại có đường kính từ 8 -11 mm, chiều dài từ 260mm đến 420mm.<br>- Đầu gần có $\geq 4$ lỗ bắt vít gồm có lỗ động và lỗ tĩnh. Đầu xa có $\geq 3$ lỗ bắt vít các bình diện khác nhau.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 100      | Cái |
| 251.2 | Vít khóa đỉnh nội tủy                                        | Vít khóa đỉnh nội tủy:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Có đầy đủ 2 loại đường kính: 4.5mm và 5mm.<br>- Có nhiều độ dài khác nhau từ 26-110mm<br>- Tương thích với lỗ bắt vít trên đỉnh.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                | 300      | Cái |
| 252   | Bộ nẹp khóa xương gót                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |     |
| 252.1 | Nẹp khóa xương gót                                           | Nẹp khóa xương gót:<br>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương.<br>- Độ dày nẹp: 1.2 - 2mm<br>- Số lỗ: ít nhất 14 lỗ cho chân trái/ phải.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                  | 5        | Cái |
| 252.2 | Vít khoá đường kính 3.5mm                                    | Vít khóa:<br>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương<br>- Đường kính 3.5mm<br>- Tự ta rô<br>- Dài các cỡ 10 - 90mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 30       | Cái |

| STT   | Danh mục                                           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Số lượng | Đvt |
|-------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với lỗ vít của nẹp</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                                                                                                                                                      |          |     |
| 253   | Bộ nẹp khóa xương gót 3 nhánh                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |     |
| 253.1 | Nẹp khoá xương gót 3 nhánh                         | Nẹp khóa xương gót, 3 nhánh: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương.</li> <li>- Độ dày nẹp: khoảng 1-2mm</li> <li>- Số lỗ: 11-15 lỗ trái/ phải</li> <li>- Tương thích với vít đồng bộ</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                              | 5        | Cái |
| 253.2 | Vít khoá đường kính 3.5mm                          | Vít khóa: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính 3.5mm</li> <li>- Tự ta rô</li> <li>- Dài các cỡ 10 - 90mm</li> <li>- Phù hợp với nẹp</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                                        | 30       | Cái |
| 254   | Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |     |
| 254.1 | Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài             | Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.</li> <li>- 5-13 lỗ (trái/ phải).</li> <li>- Dài vít khóa 5.0mm.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul> | 200      | Cái |
| 254.2 | Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro                 | Vít khóa tương thích với đường kính lỗ nẹp <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.</li> <li>- Tự taro.</li> <li>- Đường kính 5.0mm.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>             | 1.200    | Cái |
| 255   | Bộ nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương chày mặt ngoài |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |     |

| STT   | Danh mục                                                             | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                             | Số lượng | Đvt |
|-------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 255.1 | Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương chày trong/ngoài, phải/trái, các cỡ | Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương chày trong/ngoài, phải/trái:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- 4-10 lỗ<br>- Dừng vít khóa 3.5mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                              | 50       | Cái |
| 255.2 | Vít khóa xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro                        | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, chiều dài vít từ 12- 80mm;<br>- Tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 150      | Cái |
| 255.3 | Vít khóa xương xốp đường kính 3.5mm, tự taro                         | Vít khóa xương xốp:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, chiều dài 20 - 60mm.<br>- Tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).        | 150      | Cái |
| 256   | Bộ cố định ngoài cẳng chân                                           | Gồm 2 thanh ren đường kính 8mm, 4 đinh schanz, 16 đai ốc, 16 khối chữ nhật                                                                                                                                                                                                                                                                       | 60       | Bộ  |
| 257   | Bộ cố định ngoài chữ T                                               | Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm và 2 thanh ren thép 316 đường kính 6mm, 12 khối chữ nhật, 10 bu lông, 28 đai ốc thép không rỉ, 5 đinh Schanz.                                                                                                                                                                                            | 50       | Bộ  |
| 258   | Bộ cố định ngoài gần khớp                                            | Gồm 1 thanh cong đường kính 8mm, 1 thanh thép 316 thẳng đường kính 8mm, 1 thanh răng thép 316 đường kính 6mm, 12 khối chữ nhật, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không rỉ, 6 đinh Schanz.                                                                                                                                                               | 12       | Bộ  |
| 259   | Bộ cố định ngoài qua gối                                             | Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm, 12 khối chữ nhật, 24 đai ốc, 12 bulông thép không rỉ, 6 đinh Schanz.                                                                                                                                                                                                                                    | 20       | Bộ  |
| 260   | Bộ cố định ngoài khung chậu                                          | Gồm 2 thanh cong đường kính 8mm; 3 thanh ren đường kính 6mm dài 360mm, 380mm, 400mm thép 316; 14 khối chữ nhật; 26 bulông; 12 đai ốc thép không rỉ, 4 đinh Schanz.                                                                                                                                                                               | 10       | Bộ  |
| 261   | Bộ cố định ngoài tay                                                 | Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 6mm, 8 khối chữ nhật, 8 bu lông, 16 đai ốc thép không rỉ, 4 đinh Schanz.                                                                                                                                                                                                                                     | 10       | Bộ  |
| 262   | Bộ cố định ngoài tay đầu dưới xương quay                             | Gồm 1 thanh trơn thép 316 đường kính 6mm, 2 hệ thống cặp đinh thép không rỉ và nhôm, 4 đinh Schanz 3.5mm.                                                                                                                                                                                                                                        | 10       | Bộ  |
| 263   | Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |          |     |

| STT   | Danh mục                           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 263.1 | Nẹp khóa đầu dưới xương quay       | Nẹp khóa đầu dưới xương quay:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Số lỗ trên thân nẹp 3- 5lỗ. Sử dụng vít khoá 3.5mm và 2.7mm<br>- Độ dày từ 2.5-3.0mm.<br>- Chiều rộng nẹp từ 10.2-10.9mm.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.                     | 250      | Cái |
| 263.2 | Vít khoá đường kính 2.7mm, tự taro | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đường kính 2.7mm. Đầu vít tự taro.<br>- Độ dài kích cỡ: dài 10-30mm, bước tăng 2mm.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.                                                                    | 750      | Cái |
| 263.3 | Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm.<br>- Độ dài chiều dài 12 - 60mm (bước tăng 2mm), đường kính mũ vít tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.             | 750      | Cái |
| 264   | Nẹp bản nhỏ                        | Nẹp bản nhỏ:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Kích thước: dày 3-5mm, rộng 10-12mm, dài 80-220mm.<br>- Nẹp sử dụng cho vít 3.5mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                            | 216      | Cái |
| 265   | Nẹp nén ép bản hẹp                 | Nẹp nén ép bản hẹp:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Kích thước: dày 3-4.5mm, rộng 14-15mm, có từ 4-24 lỗ, dài từ 80-445mm.<br>- Nẹp sử dụng cho vít 4.5mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 129      | Cái |

| STT   | Danh mục                                      | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số lượng | Đvt |
|-------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 266   | Bộ nẹp tái tạo (mắt xích), thẳng, vít 3.5mm   | Nẹp tái tạo (mắt xích), loại thẳng:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ.<br>- Dừng vít 3.5mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                   | 195      | Cái |
| 267   | Bộ nẹp khóa bản nhỏ                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |          |     |
| 267.1 | Nẹp khóa bản nhỏ                              | Nẹp khóa bản nhỏ:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- 3-9 lỗ. Dày 3.5-4.0mm, rộng 11-12mm, dài 70-125mm.<br>- Sử dụng vít khóa 3.5mm tự taro.<br>- Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.                                                                                                                                                                         | 50       | Cái |
| 267.2 | Vít khóa xương cứng tự taro 3.5mm             | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm.<br>- Đầy đủ chiều dài 12 - 60mm (bước tăng 2mm), đường kính mũ vít tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.                                                                                                                  | 300      | Cái |
| 268   | Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |          |     |
| 268.1 | Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong        | Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong:<br>- Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất.<br>- Chất liệu nẹp Titanium nguyên chất sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-2/ ASTM F67/ EN ISO 5832-2.<br>- Độ dày thân nẹp 3.8- 4.0 mm, rộng 10-11mm, rộng đầu 21-22mm, có 4/6/8/10/12/14 lỗ. Nhiều cỡ, có thể uốn nắn theo hình thể xương.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 50       | Cái |
| 268.2 | Vít khóa xương cứng tự taro, đường kính 3.5mm | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, chiều dài vít từ 10- 90mm.<br>- Tương thích với lỗ vít trên nẹp.                                                                                                                                                                                                | 250      | Cái |

| STT   | Danh mục                                       | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                | - Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                         |          |     |
| 269   | Bộ nẹp khóa bản hẹp các cỡ                     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |     |
| 269.1 | Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, chất liệu titanium    | Nẹp khóa nén ép bản hẹp:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Tối thiểu có 6 - 12 lỗ thân, dày 4-5mm, rộng 14-15mm, dài 130-225mm.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.             | 40       | Cái |
| 269.2 | Vít khóa xương cứng, đường kính 5.0mm, tự taro | Vít khóa xương cứng:<br>- Tương thích với đường kính lỗ nẹp.<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Tự taro.<br>- Đường kính 5.0mm. Dài 12-90mm.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất. | 240      | Cái |
| 270   | Nẹp lồng máng 1/3                              | Nẹp lồng máng 1/3:<br>- Có các cỡ 4 - 12 lỗ; chiều dài 54 - 150mm.<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.                                                                                              | 200      | Cái |
| 271   | Nẹp ốp chữ T lớn                               | Nẹp ốp chữ T lớn:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Nẹp dày 2 - 2.6mm, rộng 14 - 18mm.<br>- Thân nẹp có 5-10 lỗ, dài 100-190mm, đầu chữ T có từ 2 lỗ trở lên.                                | 100      | Cái |
| 272   | Nẹp nén ép bản rộng                            | Nẹp nén ép bản rộng:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Nẹp dày 4.5-6mm, rộng 15-17mm, dài từ 82-445mm.<br>- Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 24 lỗ.                                             | 50       | Cái |
| 273   | Bộ nẹp DHS 135°, các cỡ                        |                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |     |
| 273.1 | Nẹp DHS 135 độ                                 | Nẹp DHS 130-135 độ:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Nẹp có 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ, dài từ 80-240mm.<br>- Thân nẹp sử dụng vít khoá vít cứng kết hợp.                              | 150      | Cái |

| STT   | Danh mục                                      | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                         | Số lượng | Đvt |
|-------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                               | - Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                               |          |     |
| 273.2 | Vít lớn DHS/ DCS                              | Vít tương thích với nẹp DHS/DCS.<br>- Chiều dài từ 50mm đến 110mm.<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                            | 150      | Cái |
| 273.3 | Vít nén DHS/DCS                               | Vít tương thích với Vít DHS/DCS.<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Dài 10-120mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                           | 150      | Cái |
| 274   | Nẹp đỡ chữ L                                  | Nẹp đỡ chữ L:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Nẹp rộng 12-16mm, dày 2.4-2.7mm, thân có từ 4-14 lỗ, đầu có 2- 3 lỗ<br>- Số lỗ trên thân nẹp: từ 3 đến 8 lỗ, có phân biệt trái, phải.                                                              | 40       | Cái |
| 275   | Bộ nẹp khóa xương đòn có móc                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |     |
| 275.1 | Nẹp khóa xương đòn có móc                     | Nẹp khóa xương đòn có móc:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Số lỗ thân từ 3-4 lỗ, trái/phải riêng biệt.<br>- Nẹp dày 4.0-4.5mm, rộng 10-11mm, dài 65-85mm.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.                                       | 40       | Cái |
| 275.2 | Vít khóa xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm.<br>- Đầy đủ chiều dài 12 - 60mm (bước tăng 2mm), đường kính mũ vít tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất. | 200      | Cái |
| 276   | Bộ nẹp khóa đầu ngoài xương đòn               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |          |     |

| STT   | Danh mục                                      | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Đvt |
|-------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 276.1 | Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn                  | Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Số lỗ trên thân nẹp: từ 6 - 8 lỗ trái/ phải.<br>- Nẹp dày 3.2-3.5mm, rộng 9.5-10.5mm, có 6/7/8/9 lỗ, dài từ 75-100mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                | 40       | Cái |
| 276.2 | Vít khóa xương cứng tự taro, đường kính 3.5mm | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Tự taro, tương thích với lỗ vít trên nẹp:<br>- Độ dài từ 12-80mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                             | 240      | Cái |
| 277   | Bộ nẹp mini, phải, trái, các loại các cỡ      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |     |
| 277.1 | Nẹp mini chữ L,T, thẳng phải/ trái, các cỡ    | Nẹp mini chữ L,T, thẳng phải/ trái, các cỡ<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Độ dày nẹp: $\leq 1.2\text{mm}$ , bề rộng phần thân nẹp: $< 5.2\text{mm}$ . có đủ kiểu L, T, có từ 3-9 lỗ, dài 21-70mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 100      | Cái |
| 277.2 | Vít xương cứng đường kính 2.0mm, tự taro      | Vít xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đường kính 2.0mm.<br>- Đầu vít tự taro, đường kính mũ vít tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Dài 6-40mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                        | 500      | Cái |
| 278   | Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |          |     |
| 278.1 | Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong        | Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong:<br>- Số lỗ khóa phần thân nẹp: 4 - 10 lỗ.<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.                                                                                                                                                                                         | 100      | Cái |

| STT   | Danh mục                                             | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số lượng | Đvt |
|-------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 4.0-4.5mm, rộng 11-12mm, dài 90-170mm.</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |          |     |
| 278.2 | Vít khóa xương cứng tự taro, đường kính 3.5mm        | Vít khóa xương cứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.</li> <li>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm.</li> <li>- Đầy đủ chiều dài 12 - 60mm (bước tăng 2mm), đường kính mũ vít tương thích với lỗ vít trên nẹp.</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.</li> </ul>                                                     | 500      | Cái |
| 279   | Bộ nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |     |
| 279.1 | Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác                  | Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác<br>Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3, có thể uốn nắn được theo hình thể xương.<br>Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                           | 38       | Cái |
| 279.2 | Vít khóa xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro        | Vít khóa xương cứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.</li> <li>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, chiều dài vít từ 12- 80mm;</li> <li>- Tương thích với lỗ vít trên nẹp.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul>                                 | 228      | Cái |
| 280   | Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các loại, các cỡ |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |     |
| 280.1 | Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay phải/trái           | Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay phải/trái: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3, có thể uốn nắn theo hình thể xương.</li> <li>- Độ dày nẹp: 1.5 - 4mm, bề rộng thân nẹp: 8 - 12mm, nhiều kích cỡ lỗ vít khác nhau.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).</li> </ul> | 50       | Cái |
| 280.2 | Vít khóa xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro        | Vít khóa xương cứng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.</li> <li>- Đầu vít tự taro, đường kính vít 3.5mm, chiều dài vít từ 12- 80mm;</li> <li>- Tương thích với lỗ vít trên nẹp.</li> </ul>                                                                                                                                         | 250      | Cái |

| STT   | Danh mục                                        | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số lượng | Đvt |
|-------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                                 | - Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                             |          |     |
| 281   | Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi các loại, các cỡ |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |     |
| 281.1 | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi phải/trái, các cỡ   | Nẹp khóa đầu dưới xương đùi phải/trái, các cỡ:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Có 4 - 12 lỗ (trái/ phải).<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                              | 100      | Cái |
| 281.2 | Vít khóa xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro   | Vít khóa xương cứng:<br>- Đường kính 4.5mm.<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, chiều dài vít từ 12 - 85mm, tán vít phải tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 300      | Cái |
| 281.3 | Vít khóa xương xốp đường kính 5.5mm, tự taro    | Vít khóa xương xốp:<br>- Đường kính 5.5mm.<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đầu vít tự taro, tán vít tương thích với lỗ vít trên nẹp, chiều dài vít từ 30 - 90mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).       | 400      | Cái |
| 282   | Bộ nẹp khóa mồm khuỷu các cỡ titanium           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |     |
| 282.1 | Nẹp khóa mồm khuỷu trái/phải                    | Nẹp khóa mồm khuỷu trái, phải:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Số lỗ: 2-12 lỗ.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                         | 35       | Cái |
| 282.2 | Vít khóa xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro   | Vít khóa xương cứng:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3, tự taro.<br>- Đường kính 3.5mm, đầu vít tương thích với lỗ vít trên nẹp.<br>- Chiều dài từ 10-95mm.                                                                                                                      | 105      | Cái |

| STT   | Danh mục                                     | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số lượng | Đvt |
|-------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|       |                                              | - Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                |          |     |
| 282.3 | Vít khóa xương xóp đường kính 3.5mm, tự taro | Vít khóa xương xóp:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3, tự taro.<br>- Đường kính ren 3.5mm, đầu vít đường kính tương thích với lỗ vít trên nẹp động bộ.<br>- Chiều dài từ 22-95mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 70       | Cái |
| 283   | Đai cố định khớp vai                         | Cố định, ổn định khớp vai. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. băng nhám dính.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 550      | Cái |
| 284   | Đai xương đòn                                | Chất liệu vải cotton, mút xóp, băng nhám dính các số.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 900      | Cái |
| 285   | Đai thắt lưng                                | Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm được xử lý nhẵn bề mặt, cạnh bo tròn tránh đâm thủng tổn thương da. Băng nhám dính (băng nhám dính), vải mút mềm, thun đàn hồi. Dự phòng tổn thương cột sống thắt lưng.                                                                                                                                                            | 735      | Cái |
| 286   | Nẹp cẳng tay dài                             | Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cào lông. Băng nhám dính, nẹp hợp kim nhôm được xử lý nhẵn bề mặt, bo tròn góc cạnh tránh đâm thủng tổn thương da, dài 18-25cm.                                                                                                                                                                              | 250      | Cái |
| 287   | Nẹp chống xoay trên gối                      | Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Băng nhám dính, nẹp hợp kim nhôm được xử lý nhẵn bề mặt, bo tròn góc cạnh không gây tổn thương da, hệ thống dán xé, chiều cao nẹp từ 65cm-75cm. Có thanh ngang chống xoay                                                                                                                             | 505      | Cái |
| 288   | Nẹp cổ cứng                                  | Chức năng: Cố định cột sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút eva, băng nhám dính, hệ thống dán xé.                                                                                                                                                                                                                                                                    | 275      | Cái |
| 289   | Nẹp đùi dài                                  | Chất liệu vải mút dệt, vải lưới thể thao, thanh định vị bằng nhôm lớn, bề mặt được xử lý nhẵn, bo tròn cạnh tránh đâm thủng tổn thương da, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé.                                                                                                                                            | 590      | Cái |
| 290   | Nẹp cố định khớp ngón tay                    | Nẹp cố định khớp ngón tay.<br>Câu tạo: Thanh nhôm dẻo kết hợp lớp đệm mút. Có thể uốn theo tư thế điều trị của ngón tay                                                                                                                                                                                                                                       | 410      | Cái |
| 291   | Túi treo tay                                 | Dùng sau chấn thương gãy xương ở cẳng tay, khớp vai, cánh tay hoặc khuỷu tay đã được xử lý bó bột hoặc không. Được làm từ vải lưới mềm thoáng khí, băng dính, mút mềm, nhiều cỡ M L XL XXL XXS XS S.                                                                                                                                                          | 2.400    | Cái |
| 292   | Bộ nẹp khóa lưới xương gót                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |          |     |
| 292.1 | Nẹp khoá lưới xương gót                      | Nẹp khóa lưới xương gót:<br>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương.<br>- Độ dày nẹp: khoảng 1.5 mm.<br>- Số lỗ: khoảng 11 - 15 lỗ trái/ phải.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                | 5        | Cái |

| STT   | Danh mục                                        | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số lượng | Đvt |
|-------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| 292.2 | Vít khoá đường kính 3.5mm                       | Vít khoá:<br>- Chất liệu Titanium hoặc tương đương<br>- Đường kính 3.5mm<br>- Tự ta rô<br>- Dài các cỡ 10- 90mm<br>- Phù hợp với nẹp khoá<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                               | 60       | Cái |
| 293   | Bộ đinh nội tủy chốt ngang                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |     |
| 293.1 | Đinh nội tủy xương đùi, xương chày 4 lỗ bắt vít | Đinh nội tủy xương đùi và xương chày:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Đinh trơn, dạng đặc có 4 lỗ bắt vít (2 lỗ bắt đầu gần, 2 lỗ bắt đầu xa), có lỗ động và lỗ tĩnh.<br>Đinh gập góc ở đầu gần, thân đinh trơn.<br>- Đường kính đinh từ 8mm đến 12mm, chiều dài đinh từ 220mm đến 420mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | 380      | Cái |
| 293.2 | Vít chốt đinh nội tủy xương chày, xương đùi     | Vít chốt đinh nội tủy:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Đường kính vít tương thích với đinh, chiều dài từ 25mm đến 75mm.<br>- Có 2 đầu ren, đầu xa nhỏ, đầu gần lớn hơn, thân vít không ren trơn láng.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).                                                                                    | 1.140    | Cái |
| 294   | Bộ nẹp khoá đầu trên xương cánh tay             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |     |
| 294.1 | Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay                | Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay:<br>- Chất liệu titanium nguyên chất sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-2/ ASTM F67/ EN ISO 5832-2.<br>- Kích cỡ có 3/4/5/6/8/10/12 lỗ<br>- Dài 90-290mm. dày 3 - 4.2mm, rộng thân 11 - 13mm, rộng đầu 18 - 22mm.<br>- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                         | 50       | Cái |
| 294.2 | Vít khoá đường kính 3.5mm, tự taro              | Vít khoá xương cứng;<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đường kính vít 3.5mm, chiều dài vít từ 12- 90mm;<br>- Tương thích với lỗ vít trên nẹp.                                                                                                                                                                                                             | 350      | Cái |

| STT | Danh mục                                              | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số lượng | Đvt |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|
|     |                                                       | - Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).                                                                                                                                                                                                                                                                           |          |     |
| 295 | Vít xương xóp rỗng nòng đường kính 6.5mm              | Vít xương xóp:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Loại rỗng nòng, dài từ 32-140mm, đường kính 6.5mm, chiều dài khoảng ren vít khoảng 20% chiều dài vít, phần còn lại của thân vít trơn.<br>* Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu). | 100      | Cái |
| 296 | Vít xương xóp đường kính 6.5mm                        | Vít xương xóp, tự taro<br>- Chiều dài vít từ 25-120mm.<br>- Có đầy đủ loại ren có chiều dài 16mm, 32mm và toàn phần.<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.                                                                                             | 400      | Cái |
| 297 | Vít xương cứng titan đường kính 3.5mm, tự taro        | Vít xương cứng, tự taro:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đường kính 3.5mm.<br>- Tối thiểu có: chiều dài vít từ 12-50mm (bước tăng 2mm).<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.                                                                                                     | 400      | Cái |
| 298 | Vít xương cứng titan đường kính 4.5mm, tự taro        | Vít xương cứng, tự taro:<br>- Chất liệu hợp kim titanium sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136/ EN ISO 5832-3.<br>- Đường kính 4.5mm.<br>- Tối thiểu có: chiều dài vít từ 12-80mm (bước tăng 2mm).<br>- Đóng gói tiệt trùng tại nhà sản xuất.                                                                                                     | 3.500    | Cái |
| 299 | Vít xương cứng thép không gỉ đường kính 4.5mm tự taro | Vít xương cứng, tự taro:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Đường kính 4.5mm.<br>- Tối thiểu có: chiều dài từ 12mm - 90mm (bước tăng 2mm từ 12 - 60mm; bước 5mm từ 60 - 90mm).                                                                                                                  | 3.000    | Cái |
| 300 | Vít xương cứng thép không gỉ đường kính 3.5mm         | Vít xương cứng, tự taro:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN                                                                                                                                                                                                                                                   | 4.000    | Cái |

| STT | Danh mục                                               | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số lượng | Đvt   |
|-----|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|
|     |                                                        | 10088-1.<br>- Đường kính 3.5mm.<br>- Tối thiểu có: chiều dài từ 10-70mm (bước tăng 2mm từ 12 - 50mm; bước 5mm từ 50 - 70mm).                                                                                                                                                                                                                                           |          |       |
| 301 | Vít xương xóp thép không gỉ đường kính 4.0mm           | Vít xương xóp, tự taro:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Đường kính 4.0mm.<br>- Tối thiểu có chiều dài từ 14-70mm.<br>- Chiều dài khoảng có ren vít: 7- 15mm.                                                                                                                               | 300      | Cái   |
| 302 | Vít xương xóp rỗng nòng thép không gỉ đường kính 4.0mm | Vít xương xóp, loại rỗng nòng:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Đường kính 4.0mm<br>- Tối thiểu có chiều dài từ 12-70mm.                                                                                                                                                                    | 50       | Cái   |
| 303 | Đinh Steinmann                                         | Đinh Steinmann<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Đường kính 4.0- 5.0mm dài 150-500mm.                                                                                                                                                                                                        | 200      | Cái   |
| 304 | Đinh Kirschner                                         | Đinh Kirschner:<br>- Chất liệu thép không gỉ sản xuất theo một trong các tiêu chuẩn ISO 7153-1/ ASTM F899/ EN 10088-1.<br>- Đường kính từ 1.0- 3.5mm, dài 150- 400mm<br>- Ít nhất một đầu nhọn.                                                                                                                                                                        | 3.000    | Cái   |
| 305 | Vít xương thuyền                                       | Chất liệu titanium hoặc tương đương.<br>Đường kính: 2.5 - 2.8mm.<br>Chiều dài: 8 - 30mm, có nhiều kích cỡ.                                                                                                                                                                                                                                                             | 10       | Cái   |
| 306 | Mũi khoan xương                                        | Mũi khoan xương dùng 1 lần. Chất liệu thép không gỉ. Đường kính 2.5mm - 4.5mm (tối thiểu có 2.7mm và 4.5mm).                                                                                                                                                                                                                                                           | 3.000    | Cái   |
| 307 | Xương nhân tạo dạng miếng                              | Xương nhân tạo vô trùng, dạng dài, bao gồm sợi Collagen bò loại I có độ tinh khiết cao và các hạt xương có hydroxyapatite và tricalcium phosphate thành phần 100% $\beta$ -TCP (Tricalcium Phosphate), dạng khối nhỏ<br>Độ xốp vật liệu dao động từ 30 đến 70%, độ bền cơ học tương tự như độ bền của thành vỏ xương chịu nén (lên đến 45 MPa).<br>Dài tối thiểu 50mm. | 50       | Miếng |

| STT | Danh mục           | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số lượng | Đvt  |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------|
| 308 | Xi măng kháng sinh | Xi măng được nạp Gentamicin bột 40g<br>- Được sử dụng trong thay khớp gối, khớp háng.<br>- Dùng trong đặt miếng ghép nhân tạo bằng xi măng sinh học khớp háng, miếng ghép nhân tạo bằng xi măng sinh học khớp gối                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 150      | Hộp  |
| 309 | Băng bột bó, 20cm  | Bột bó dùng trong chấn thương chỉnh hình, cấu tạo:<br>- Rộng 20cm. Chiều dài của cuộn bột $\geq 360$ cm.<br>- Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton).<br>- Trọng lượng thạch cao 400-420g/m <sup>2</sup> , trọng lượng gạc 28g/m <sup>2</sup> -29g/m <sup>2</sup> .<br>- Lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn.<br>- Thời gian ngâm nước từ 4-6 giây. Đóng gói bằng giấy bạc.<br>- Thời gian đông kết 2- 4 phút.<br>- Đạt tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6794:2001 hoặc tương đương.  | 18.000   | Cuộn |
| 310 | Băng bột bó, 7.5cm | Bột bó dùng trong chấn thương chỉnh hình, cấu tạo:<br>- Rộng 7.5cm. Chiều dài của cuộn bột $\geq 360$ cm.<br>- Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton).<br>- Trọng lượng thạch cao 400-420g/m <sup>2</sup> , trọng lượng gạc 28g/m <sup>2</sup> -29g/m <sup>2</sup> .<br>- Lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn.<br>- Thời gian ngâm nước từ 4-6 giây. Đóng gói bằng giấy bạc.<br>- Thời gian đông kết 2- 4 phút.<br>- Đạt tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6794:2001 hoặc tương đương. | 24.000   | Cuộn |

## PHỤ LỤC 2

### MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số ... /BVĐN-VTTB ngày ... tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Đà Nẵng)

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

**Kính gửi: Bệnh viện Đà Nẵng**

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ... /BVĐN-VTTB ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện Đà Nẵng, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

| STT | STT (theo PL 1) | Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup> | Tên thương mại, nhãn hiệu | Ký, mã hiệu, model <sup>(3)</sup> | Mã HS <sup>(4)</sup> | Năm sản xuất <sup>(5)</sup> | Hãng sản xuất | Xuất xứ <sup>(6)</sup> | Đơn vị tính <sup>(7)</sup> | Số lượng/ khối lượng <sup>(8)</sup> | Quy cách <sup>(9)</sup> | Đơn giá <sup>(10)</sup> (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(11)</sup> (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(12)</sup> (VND) | Thành tiền <sup>(13)</sup> (VND) |
|-----|-----------------|---------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|-----------------------------|---------------|------------------------|----------------------------|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   |                 | ..                                    |                           |                                   |                      |                             |               |                        |                            |                                     |                         |                               |                                                         |                                                  |                                  |
| 2   |                 | ...                                   |                           |                                   |                      |                             |               |                        |                            |                                     |                         |                               |                                                         |                                                  |                                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy

định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp** <sup>(14)</sup>

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính theo yêu cầu của Bệnh viện.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách đóng gói của thiết bị y tế.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(14) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.